

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.ethongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 272 - Năm thứ 25 - Tháng 09-2012

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : info@ethongluan.org

Mua báo : Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

Xã luận

Cảnh giác với Nguyễn Tấn Dũng !

Trong lúc này, khi mà tình hình kinh tế nguy ngập, vật giá leo thang, hàng loạt công ty phá sản hoặc hấp hối, các ngân hàng trong tình trạng báo động đỏ vì nợ xấu chồng chất, đa số các nhà đầu tư rời Việt Nam, các vụ bê bối liên tục được phơi bày vì không thể che giấu được nữa, nếu thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng bị mất uy tín và bị đá kích gay gắt thì cũng là một điều dễ hiểu. Nhiều người cho rằng ông đang gặp khó khăn lớn, thậm chí có thể mất chức. Ngược lại, cũng có ý kiến cho rằng phải ủng hộ ông Dũng vì dù sao ông cũng là người đang cố gắng thoát ra khỏi thế lệ thuộc Trung Quốc để dần gần với Hoa Kỳ và các nước dân chủ.

Như trong mọi tình huống tranh tài tranh sáng chúng ta cần hết sức cảnh giác.

Việc ông Dũng tham nhũng và bao che tham nhũng là điều mà không ai, dù bên ông, có thể chối cãi. Bảy năm trước khi lên làm thủ tướng, ông đã đồng ý cam kết sẽ bãi trừ tham nhũng và còn tuyên bố sẽ từ chức nếu không đẩy lùi được tham nhũng, nhưng suốt bảy năm qua tham nhũng đã không ngừng gia tăng và gia tăng với một vận tốc chóng mặt. Cũng không ai có thể phủ nhận ông không có khả năng để lãnh đạo một đất nước gần một trăm triệu người, với vô số vấn đề phức tạp trong một bối cảnh toàn cầu hóa. Vinashin, Vinaline, EVN chỉ là vài thí dụ. Thành tích nổi bật của chính phủ Nguyễn Tấn Dũng là đã biến Việt Nam thành nước rủi ro nhất trong vùng cho đầu tư, mặc dù mới chỉ là một trong những nước nghèo nhất.

Trong bất cứ một nước bình thường nào, một thủ tướng như ông Dũng chắc chắn đã phải từ chức hoặc bị cách chức từ lâu. Nhưng ông Dũng vẫn còn đó. Không những thế, quyền lực của ông còn mạnh lên. Ông nắm được cả quân đội, công an và tài phiệt. Ông lấn áp cả đảng cộng sản. Việt Nam đang chuyển hóa từ độc tài đảng trị sang độc tài cá nhân. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu Nguyễn Tấn Dũng bị chống đối bởi cả nhân dân Việt Nam lẫn đa số đảng viên cộng sản.

Có hai loại người bên Nguyễn Tấn Dũng. Trước hết, và phần chính, là những người mà quyền lợi và địa vị gắn chặt với ông Dũng. Sau đó là một số ít những người tin rằng ông Dũng đang cố gắng gia

tăng quan hệ với các nước dân chủ. Hai loại người này rất khác nhau nhưng sử dụng cùng một lập luận : nếu ông Dũng bị loại, các thế lực thù địch thân Trung Quốc sẽ thắng và Việt Nam sẽ còn lệ thuộc Trung

Quốc với tất cả nhục nhằn và mất mát trong một thời gian dài.

Lập luận này dù xuất phát từ thiện chí hay quyền lợi bất chính cũng không thuyết phục. Thời gian bảy năm vừa qua, khi ông Dũng là thủ tướng gần như toàn quyền, cũng là thời gian mà chính quyền cộng sản Việt Nam tỏ ra khiếm nhục nhất đối với Trung Quốc. Đó cũng là thời gian mà Việt Nam cho Trung Quốc thuê dài hạn nhiều khu rừng có giá trị chiến lược trên thượng nguồn, cho Trung Quốc đầu thầu khai thác mỏ bô-xít ở Tây Nguyên, để hàng lậu Trung Quốc tràn ngập Việt Nam, và chấp nhận một quan hệ ngoại thương bệnh hoạn trong đó thâm thủng ngoại thương với Trung Quốc bằng tổng số thâm thủng ngoại thương của Việt Nam.

Cũng nên nhớ là nếu dự án bô-xít Tây Nguyên sau cùng đã được giảm thiểu thì đó là vì ông Dũng đã phải nhượng bộ những áp lực từ xã hội Việt Nam, được sự khuyến khích của những đối thủ của ông Dũng trong ban lãnh đạo cộng sản. Ông Dũng và những người ủng hộ ông có thể biện luận rằng đó là những quyết định tập thể trong đó ông Dũng chỉ có một phần trách nhiệm, nhưng nói như thế là quên rằng ông Dũng có ảnh hưởng lớn nhất thì cũng có trách nhiệm lớn nhất và hơn nữa, trái với một vài người khác trong bộ chính trị, ông Dũng tuyệt đối chưa hề biểu lộ một chống đối nào, thậm chí một sự dè dặt nào trong những chọn lựa này.

Nhưng còn một sự kiện nghiêm trọng khác chứng tỏ một cách rõ rệt ông Dũng không hề có ý định tách khỏi quỹ đạo Trung Quốc và đến gần với các nước dân chủ. Đó là từ ngày ông Dũng trở thành nhân vật quyền lực nhất, chính sách đàn áp những người dân chủ đã hung bạo hơn hẳn. Các vụ án chính trị nhiều hơn, các cáo trạng tùy tiện hơn, các phiên tòa lơ lửng hơn, các bản án nặng gấp ba bốn lần thời gian trước đó. Về điểm này, chính ông Dũng chứ không phải ai khác phải chịu trách nhiệm, và nó chứng tỏ một cách dứt khoát rằng ông Dũng không hề chuẩn bị để thắt chặt quan hệ với các nước dân chủ. Một người chuẩn bị để đến gần các nước dân chủ không hành động như thế.

Phải rất cảnh giác. Con người chống dân chủ hung bạo nhất trong các cấp lãnh đạo cộng sản hiện nay là Nguyễn Tấn Dũng. Và nếu chúng ta lý luận rằng đã chống dân chủ tất nhiên phải dựa vào Trung Quốc thì Nguyễn Tấn Dũng cũng chính là người thân Trung Quốc nhất.



Thông Luận

Quan hệ Việt - Trung :

Thực tế bề bàng hơn nhiều

Nguyễn Gia Kiểng

Nguyễn Văn Linh không phải là con người của của đổi mới mà là con người của Trung Quốc. Đại Hội VI, tháng 12-1986, không phải là đại hội đổi mới và một cơ hội dân chủ hóa không thành mà chỉ là đại hội đầu hàng Trung Quốc và chống dân chủ. Nếu ở Việt Nam có một người không được quyền lên án bất cứ ai là tay sai Trung Quốc thì người đó chính là Lê Đức Anh.

Giờ này, khi mà nhiều người nghĩ và tin rằng Việt Nam chỉ còn một chọn lựa là ra khỏi thể lệ thuộc Trung Quốc và nhanh chóng tiến đến thể đồng minh chiến lược với Hoa Kỳ và các nước dân chủ, chúng ta cần nhận định lại quan hệ Việt - Trung một cách chính xác hơn. Lý do là vì sự thực còn phũ phàng hơn nhiều người nghĩ. Và nếu quá khứ có khả năng tiết lộ những gì có thể sẽ tới thì chúng ta phải rất cảnh giác nếu không muốn hụt hẫng một lần nữa.

Cho tới nay, theo cái nhìn của nhiều người, Trung Quốc, sau khi thất bại trong chiến tranh biên giới 1979, đã cô lõi kéo Việt Nam vào quỹ đạo của họ và đã thành công : Đại Hội VI của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã là một bước đổi mới đầy hy vọng không may bị khựng lại và đảo ngược ; Nguyễn Văn Linh là con người của một cách tân dang dở ; trong nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam đã có đã có đấu tranh giữa hai phe cạnh tân thân phương Tây và bảo thủ thân Trung Quốc và sau cùng phe bảo thủ đã thắng v.v.

Nhưng sự thực rất khác.

Cái nhìn này không giải thích được một cách thuyết phục tại sao Đảng Cộng Sản Việt Nam đã có thể đổi hẳn chính sách đối với Trung Quốc từ thế từ thù sang thế chư hầu ngoan ngoãn mà không gây ra một chấn động lớn, bằng cơ là cho đến nay ít người có thể nói một cách quả quyết Đảng Cộng Sản Việt Nam đã quyết định thay đổi thái độ đối với Trung Quốc vào lúc nào, hay tại sao mặc dù Việt Nam hết sức chiều lòng Trung Quốc mà Trung Quốc lại cứ tiếp tục hạ nhục và chèn ép Việt Nam. Lý do là vì nó vẫn nằm trong một logic bình thường, theo đó mọi chính quyền trước hết mưu tìm quyền lợi cho đất nước mình, họ có lầm lẫn hay không là chuyện khác. Logic này không đúng trong trường hợp của quan hệ Việt - Trung như chúng ta sẽ thấy.

Nhìn lại quan hệ Việt - Trung đòi hỏi một phân tích thấu đáo những gì đã xảy ra, điều này không dễ vì sự đảo ngược quan hệ Việt - Trung đã diễn ra một cách bí mật trong nội bộ của nhóm cầm quyền cao nhất trong đảng cộng sản, nghĩa là bộ chính trị (BCT) và ban bí thư (BBT), ngay cả tuyệt đại bộ phận đảng viên cao cấp cũng không biết. Hơn nữa, nó lại chủ yếu được quyết định qua những thảo luận miệng trong tập đoàn lãnh đạo mà các biên bản hoặc không có hoặc vẫn còn được giữ kín. Trong hoàn cảnh đó, ta chỉ có thể dựa vào hồi ký của những người trong cuộc vào lúc cuối đời hoặc có những tâm sự muốn nói ra, hoặc có những ân oán giang hồ muốn thanh toán.

Tập *Hồi ức và Suy nghĩ* của Trần Quang Cơ là một tài liệu quý. Ít ai có điều kiện để theo dõi biến chuyển trong quan hệ Việt - Trung bằng ông. Ông chủ trì nhóm CP87, một nhóm nghiên cứu chiến lược đối ngoại của đảng vào giai đoạn chuyển hướng này. Ông cũng là thứ trưởng đặc trách vấn đề Campuchia, vấn đề gai góc nhất giữa Việt Nam và Trung Quốc vào lúc đó. Ông đại diện Việt Nam đàm phán với đại diện Trung Quốc Từ Đôn Tín vào tháng 6-1990, cuộc đàm phán gay go cuối cùng trước khi chính quyền cộng sản Việt Nam thực sự đầu hàng, đứng ra là được Trung Quốc cho phép hàng phục. Quan trọng hơn, Trần Quang Cơ là một trong những người hiếm hoi có kiến thức về thế giới và bang giao quốc tế, một khả năng mà không ai trong số những lãnh tụ cộng sản cao nhất có.

Tuy vậy, ông Cơ cũng chỉ là một người thừa hành ngoan ngoãn. Nếu đôi khi ông có những tâm sự u uất thì đó cũng chỉ là những trăn

trở của một tôi trung. Trần Quang Cơ không có cái nhìn của người lấy quyết định, do đó ông quan tâm trước hết đến những gì thuộc phần nhiệm của mình. Vì vậy trong hồi ký này, các sự kiện không được chọn lựa và sắp xếp theo tầm quan trọng đối với chính sách đối ngoại mà theo tầm quan trọng của chúng đối với cá nhân ông. Ông kể khá chi tiết những thảo luận về giải pháp Campuchia và những cuộc phỏng vấn của ông với các báo, dù chúng chỉ có một giá trị rất tương đối nếu ta muốn tìm hiểu động cơ và não trạng của những người quyết định chính sách của Việt Nam vào lúc đó. Những điều Trần Quang Cơ kể lại vì vậy cần được hội nhập vào dòng thời sự của cả một giai đoạn dài mới có giá trị giải thích và soi sáng.

Trước hết hãy nhìn lại một cách tổng quát quan hệ Việt - Trung.

Một cách ngắn gọn, có thể nói cho tới cuối thập niên 1960, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã giữ được thể cân bằng của một đứa em ngoan giữa *anh cả Liên Xô* và *anh hai Trung Quốc*, dù có phần gần với Trung Quốc hơn vì lúc đó Liên Xô không khuyến khích cuộc chiến chinh phục miền Nam mà Đảng Cộng Sản Việt Nam coi là mục tiêu sống còn. Năm 1957, Liên Xô còn đề nghị cho cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc. Nhóm "xét lại chống đảng" chung quanh ông Hoàng Minh Chính đã bị đàn áp thẳng tay vì bị tình nghi là theo đường lối "xét lại" của Khrushchev. Tuy vậy, sau khi triệt hạ xong nhóm bị coi là thân Liên Xô này, ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam, đứng đầu là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, vẫn duy trì quan hệ mật thiết với Liên Xô. Thể cân bằng này đã dần dần thay đổi sau khi Brezhnev lên thay Khrushchev (tháng 10-1964) và chọn đường lối cứng rắn hơn trong chiến tranh lạnh, trong khi Trung Quốc suy yếu vì những tranh chấp nội bộ, mà cao điểm là cuộc "Đại Cách Mạng Văn Hóa", không còn khả năng để yểm trợ đắc lực cuộc "chiến tranh giải phóng miền Nam" của Hà Nội nữa.

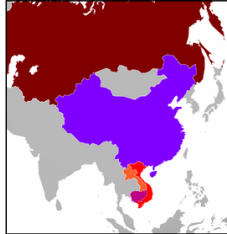
Sang đầu thập niên 1970, khi xung đột biên giới giữa Trung Quốc và Liên Xô trở thành dữ dội và Trung Quốc rõ ràng tìm cách bắt tay với Hoa Kỳ (Kissinger bí mật sang Bắc Kinh tháng 6-1971 chuẩn bị cho Nixon sang thăm Trung Quốc tháng 2-1972, mà kết quả là Tuyên Ngôn Thượng Hải mở đầu tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa hai nước), Hà Nội chọn đứng hẳn về phía Liên Xô và quan hệ Việt - Trung dần dần chuyển từ bạn sang thù.

Năm 1976, Đảng Cộng Sản Trung Quốc không gửi phái đoàn tham dự Đại Hội IV của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nước Việt Nam thống nhất chọn toàn bộ mô hình tổ chức Đảng và Nhà Nước của Liên Xô. Trung Quốc xúi dục và hỗ trợ chính quyền Khmer Đỏ gây chiến với Việt Nam, Việt Nam đem quân đánh đổ chế độ Pol Pot tháng 12-1978, một tháng sau khi gia nhập khối COMECON và ký xong hiệp ước liên minh quân sự với Liên Xô. Trung Quốc đem quân tấn công tàn phá các tỉnh biên giới phía Bắc để "dạy cho Việt Nam một bài học". Các báo đài của hai bên mạt sát nhau thậm tệ. Trung Quốc bởi mớ cớ đời tư để bôi bẩn Hồ Chí Minh, trong khi Việt Nam lờ bịch hóa Mao Trạch Đông như một bạo chúa quê mùa lỗ mãng không tằm, không đánh răng, khạc nhổ bừa bãi và mắc bệnh tim la. Nhân dân hai nước được huy động để xuống đường lên án đối phương hàng ngày. Chính quyền cộng sản Việt Nam xua đuổi người Việt gốc Hoa.

Năm 1980, hiến pháp Việt Nam được sửa đổi để thêm vào lời nói đầu một đoạn tuyên chiến với Trung Quốc. Trong đại hội đảng V, tháng 3-1982, bản điều lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng được sửa đổi với lời nói đầu đề cao cuộc chiến tranh biên giới Việt - Trung như một chiến công lịch sử oanh liệt. Nguyễn Văn Linh, người có công lớn trong cuộc "chiến tranh giải phóng miền Nam" bị loại khỏi bộ chính trị và lập trường thân Trung Quốc. Nhiều công thần bị loại chỉ vì có tội là người Việt gốc Hoa. Chiến tranh biên giới giữa hai nước vẫn tiếp tục. Thế thù địch đạt đến cực điểm.

Thế rồi, một cách lặng lẽ nhưng nhanh chóng và quả quyết, tình thế đã thay đổi hẳn. Việt Nam trở thành một chư hầu khấp nép của Trung Quốc. Thay đổi đã diễn ra như thế nào và vào lúc nào ?

Mặc dù tình hữu nghị Việt - Trung đã nhạt dần và hầu như không còn gì vào thời điểm Đại Hội IV tháng 12-1976, nhưng ngòi nổ đã đưa đến xung đột vũ trang giữa hai nước là cuộc chiến Campuchia, trong đó cả hai bên đều có những mưu tính không thú nhận. Cuộc chiến khởi đầu tháng 4-1977 khi quân Khmer Đỏ, với sự hỗ trợ và xúi dục của Trung Quốc, tấn công các tỉnh biên giới phía Tây Nam Việt Nam. Cuối năm 1978, Việt Nam đem quân đánh chiếm Campuchia, lập nên chính quyền Heng Samrin - Hun Sen và chỉ rút quân năm 1989 trước áp lực quốc tế, đặc biệt là áp lực Trung Quốc.



Với thời gian, người ta có thể nhận thấy là vào thời điểm 1977, chế độ Pol Pot là một gánh nặng cho Trung Quốc vào lúc mà Đặng Tiểu Bình muốn tìm kiếm sự hợp tác của Hoa Kỳ và các nước dân chủ. Chế độ diệt chủng Pol Pot quá hung bạo và bị cả thế giới lên án như một bọn quỉ sứ, nhưng nó cũng là một chư hầu của Trung Quốc và vì thế nó khiến Trung Quốc cũng bị lên án lây. Còn gì tốt hơn cho Trung Quốc là chế độ Pol Pot bị Việt Nam tràn ngập ? Trung Quốc bớt được một gánh nặng và Việt Nam, kẻ thù đáng ghét nhất của Trung Quốc, bị thế giới nhìn như một mối nguy cho vùng Đông Nam Á và bị cô lập.

Ngược lại, chế độ cộng sản Việt Nam cũng muốn đánh gục chính quyền Pol Pot và dựng lên một chính quyền chư hầu tại Campuchia. Lúc đó những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam đang say men chiến thắng. Họ đặt điều kiện để cho phép Mỹ được bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Họ tưởng mình vĩ đại, chủ nghĩa Mác-Lênin nhất định toàn thắng và sắp toàn thắng đến nơi, chủ nghĩa tư bản đang đẩy chệt. Ý đồ tái lập Liên Bang Đông Dương, như một không gian Việt Nam nở rộng, là có thực chứ không phải chỉ là một bịa đặt vu khống của Trung Quốc, dù danh xưng "Liên Bang Đông Dương" không được sử dụng.

Trong những năm kế tiếp, cuộc xâm lăng Campuchia không ngày nào các báo đài Việt Nam không đưa tin về "ba nước Đông Dương". Một định chế được thành lập và thường được nhắc tới là "Hội nghị ngoại trưởng ba nước Đông Dương". Cụm từ "ba nước Đông Dương" được đưa vào lời nói đầu của hiến pháp 1980 cùng cụm từ "bọn bá quyền Trung Quốc". Một danh xưng được đề nghị lúc đó là KALAVI (Kampuchia, Lào, Việt Nam) để chỉ thực thể bao gồm ba nước thay cho cụm từ Đông Dương.

Chính sách khôn ngoan cho Việt Nam vào lúc đó là chỉ đẩy lùi và đánh tê liệt quân Khmer Đỏ nhưng không tràn vào chiếm đóng Campuchia. Như thế Trung Quốc sẽ không khạc được khúc xương Khmer Đỏ và sẽ tiếp tục bị thế giới lên án như là quan thầy của chế độ diệt chủng gớm ghiếc Pol Pot. Nhưng chính sách này ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam không hề nghĩ đến. Họ đang say men chiến thắng và tự đặt cho mình sứ mạng cao cả là làm đội tiên phong kiên cường của phong trào cộng sản thế giới do Liên Xô lãnh đạo, mà theo họ thắng lợi đã gần kề.

Hơn nữa họ cũng tin một cách mù quáng vào sức mạnh của Liên Xô và tin rằng Liên Xô thừa sức che chở cho họ. Tháng 11-1978, Việt Nam gia nhập khối COMECON và ký hiệp ước liên minh quân sự với Liên Xô, một tháng sau quân Việt Nam tràn vào Campuchia. Các biên cô kẻ tiếp nhau theo một kế hoạch.

Vào thời điểm này, tuy kinh tế Việt Nam đang suy sụp bi đát - trong các tiệm ăn người ta cần từng bát cơm - và Hoa Kỳ không còn sẵn sàng bình thường hóa quan hệ ngoại giao không điều kiện nữa, nhưng niềm tin vào "chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng" vẫn còn nguyên vẹn, vì ảnh hưởng của Liên Xô vừa mở rộng một cách ngoạn mục. Trong vòng năm năm, từ 1975 đến 1980, một loạt quốc gia theo nhau rơi vào quỹ đạo Liên Xô - Việt Nam, Lào, Somalia, Yemen, Ethiopia, Grenada, Nicaragua, Angola, Afghanistan

Chính sự phình to này đã khiến Liên Xô kiệt quệ và sụp đổ nhanh chóng sau đó, nhưng trong nhất thời nó khiến ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam mê cuồng đến mất trí. Trong khi đó, Trung Quốc dưới Đặng Tiểu Bình, ngược lại, dồn mọi cố gắng để tranh thủ sự hợp tác của phương Tây và khai thác triệt để thái độ hung hăng đắc thắng của Việt Nam để xuất hiện như một lực lượng bảo vệ hòa bình tối cần thiết tại Đông Nam Á. Đặng Tiểu Bình không ngần ngại tuyên bố "*Trung Quốc là NATO ở phương Đông, Việt Nam là Cuba ở phương Đông*". Thực tế đã cho thấy Trung Quốc khôn ngoan bao nhiêu thì Việt Nam khờ dại bấy nhiêu. Khi Trung Quốc tấn công Việt Nam tháng 2-1979, trừ Liên Xô và một vài đồng minh, thế giới gần như cho rằng đây là hành động đúng và cần thiết.

Trung Quốc không phải chỉ đã tấn công để "dạy cho Việt Nam một bài học" rồi thôi. Quân Trung Quốc vẫn còn liên tục tấn công vào Việt Nam sau đó. Đã có hai đợt tấn công lớn sau 1980, đợt đầu trong hai tháng 1 và 2-1982, đợt sau trong từ tháng 4 đến tháng 7-1984. Đợt sau cùng này đặc biệt dữ dội, trong đó có trận Lão Sơn (hay Cao Điểm 1509, thuộc huyện Vị Xuyên, Hà Giang). Nhiều tài liệu Trung Quốc nói rằng ba quân đoàn của họ đã đánh lui và gây thiệt hại nặng cho ba sư đoàn Việt Nam trong trận này. Lão Sơn ngày nay đã thuộc về Trung Quốc. Trận này được nhớ tới như là một chiến công lớn của quân đội Trung Quốc. Ngay sau trận đánh, tổng bí thư Hồ Diệu Bang đã đến khen thưởng binh sĩ Trung Quốc. Trong Thế Vận Bắc Kinh 2008 trường đua xe đạp được đặt tên là Lão Sơn.

Hoàn cảnh Việt Nam lúc đó hoàn toàn tuyệt vọng, kinh tế sụp đổ, sa lầy tại Campuchia và bị cả thế giới lên án. Liên Xô đã không cứu giúp còn khuyên Việt Nam nên hòa với Trung Quốc. Lúc đó, chính Liên Xô cũng đang tìm cách bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc - các cuộc thương lượng giữa hai bên đã bắt đầu từ năm 1982 - nên không thể có vấn đề Liên Xô giúp Việt Nam đánh nhau với Trung Quốc.

Hơn nữa, tình trạng bi đát của Liên Xô ngày càng rõ rệt : kiệt quệ về kinh tế, sa lầy về quân sự tại Afghanistan và chao đảo ngay trong nội bộ. Hoa Kỳ dưới sự lãnh đạo của Ronald Reagan đang phục hồi một cách ngoạn mục và quả quyết đánh sụp Liên Xô. Reagan thân nhiên gọi Liên Xô là "Đế Quốc Ác Quỷ" (Evil Empire) và thách thức chạy đua vũ trang trong khi Liên Xô đã kiệt quệ. Trong các nước vừa lọt vào quỹ đạo Liên Xô, các lực lượng chống cộng phản công dữ dội và ngày càng thắng thế. Andropov, kẻ vị Brezhnev từ tháng 11-1982, nhìn nhận tình trạng nguy ngập và tuyên bố nhu cầu cải tổ toàn diện, điều mà sau đó Gorbachev sẽ làm nhưng cũng không cứu được Liên Xô.

Phải hiểu rằng ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã rất hốt hoảng. Cũng cần phải nói lại rằng chiến tranh biên giới hoàn toàn không phải là một chiến thắng cho Việt Nam. Trong cả ba đợt tấn công Việt Nam

đã tổn thất hơn hẳn Trung Quốc ; trong đợt cuối cùng, trận Lão Sơn là một thất bại nặng cho Việt Nam. Cái ảo tưởng chiến thắng chỉ là một sản phẩm tuyên truyền của chính quyền cộng sản Việt Nam. Trung Quốc đã không cải chính tuyên truyền này vì nó có tác dụng che giấu sự kiện họ lần chiếm lãnh thổ Việt Nam : Việt Nam thắng trận thì không thể mất đất. Nhưng sự thực là Việt Nam đã mất nhiều đất, trong đó có Lão Sơn, Bản Giốc, Nam Quan. *Có thể lấy tháng 7-1984 như là thời điểm mà Hà Nội, sau khi thua trận Lão Sơn, không còn sức để phản công và cũng không còn chỗ dựa Liên Xô, đã quyết định cầu hòa với Trung Quốc.*



Và sự hàng phục đã diễn ra một cách rất thành khẩn. Ngôn ngữ chống Trung Quốc biến mất trong diễn văn của các lãnh tụ hàng đầu, sau đó trên các báo, đài Việt Nam. Tháng 6-1985, Nguyễn Văn Linh, con người đã thất sủng vì thân Trung Quốc, được đưa trở lại bộ chính trị, để rồi một năm sau trở thành thường trực ban bí thư, nghĩa là nhân vật thứ 2 trong đảng, nhưng thực tế là nhân vật toàn quyền vì Lê Duẩn đã chết, Trường Chinh đã già nua lỗi thời. Lê Đức Thọ, người kiểm soát bộ máy đảng không còn chọn lựa nào khác là ủng hộ Nguyễn Văn Linh. Một năm sau ông Linh trở thành tổng bí thư sau Đại Hội VI. Phải hiểu rằng đây là sự hàng phục chúng ta mới giải thích được thái độ quy lụy của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với Trung Quốc sau đó.

Còn một chọn lựa khác cho Đảng Cộng Sản Việt Nam là quả quyết hòa giải với Hoa Kỳ và sáp lại với các nước dân chủ để được bảo vệ bởi công pháp quốc tế và để phát triển đất nước qua trao đổi và hợp tác với các nước giàu mạnh, nhưng chọn lựa này, vào thời điểm đó và cho tới hết thập niên 1980 không một lãnh tụ cộng sản Việt Nam nào nghĩ đến. Một lý do là vì những vết thương của cuộc chiến và của chính sách tiếp thu miền Nam vẫn còn quá mới, đảng cộng sản đã đi quá xa trong thái độ huênh hoang đắc thắng, nhiều sĩ quan và viên chức miền Nam vẫn còn trong các trại cải tạo, thế giới vẫn còn xúch động vì làn sóng thuyền nhân. Nhưng đây không phải là lý do chính.

Lý do chính là tất cả các lãnh tụ cộng sản lúc đó, không trừ một ngoại lệ nào, đều tin một cách cuồng nhiệt vào chủ nghĩa Mác-Lênin và thù ghét dân chủ. Trong mọi trường hợp, họ chỉ tìm kiếm những giải pháp trong khuôn khổ chủ nghĩa Mác-Lênin. Với logic này, một khi không dựa vào Liên Xô được nữa thì chỉ còn một con đường là theo Trung Quốc.

Đặc điểm chung của các cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam là họ rất thiếu văn hóa, họ chỉ biết có một chủ nghĩa Mác-Lênin mà họ học một cách cung kính như một giáo lý chứ không phải một cách có phê phán như một tư tưởng chính trị. Đối với họ, chủ nghĩa Mác-Lênin là một tín ngưỡng tuyệt đối. Đã thế, họ còn trưởng thành trong chiến tranh và được huấn luyện để không bao giờ thắc mắc về đường lối và mệnh lệnh. Đặc tính của những người thiếu văn hóa là họ thường có những xác quyết chắc nịch không thể thay đổi. Các lãnh tụ cộng sản lúc đó đều coi bảo vệ chủ nghĩa xã hội là bốn phận trước hết và trên hết. Kể cả ông Nguyễn Cơ Thạch, con người hiểu biết và sáng suốt nhất trong các thành viên bộ chính trị. Ông Thạch chỉ chủ trương mở rộng quan hệ với Hoa Kỳ và các nước phương Tây để đừng quá cô lập và bị Trung Quốc bắt chẹt chứ ông không hề nghĩ là phải kết bạn với những nước này.

Ông Trần Quang Cơ thuật lại lời phát biểu của ông Thạch trong một cuộc thảo luận tháng 5-1987 của tổ CP87 : *"Phải thỏa thuận cả với Mỹ, chỉ húc đầu vào một con đường nói chuyện với Trung Quốc là không đúng"*. Ý kiến này, theo ông Cơ, là một ý kiến động trời vào lúc đó, vì nói tới quan hệ với các nước phương Tây là một điều húy kỵ.

Còn chính ông Trần Quang Cơ ? Cuốn *"Hồi ức và suy nghĩ"* của ông có thể khiến người đọc nghĩ rằng ông là một người rất cởi mở,

nhưng trong báo cáo trình bộ chính trị vào năm 1993 ông vẫn coi "diễn biến hòa bình", nghĩa là chuyển hóa về dân chủ, như một mối nguy và tới năm 2000, khi viết những dòng cuối cùng của cuốn sách, ông vẫn thấy lập trường này *"xem ra chưa phải đã lỗi thời"*. Quan điểm của ông Cơ đáng chú ý ở chỗ ông không phải là thành viên bộ chính trị hay ban bí thư, ông chỉ là một người thừa hành và một chuyên gia và do đó có thể nói thực những gì mình nghĩ. Chính vì thế mà những gì ông nói phản ánh một cách thực thà "nào trạng cộng sản" lúc đó.

Người duy nhất trong số các lãnh đạo cấp cao dám có lập trường đối mới mạnh dạn, dù muộn màng, là ông Trần Xuân Bách. Ông là thành viên của cả bộ chính trị lẫn ban bí thư và phát biểu lập trường đa nguyên đa đảng trong một bài nói chuyện tại trường đảng Nguyễn Ái Quốc tháng 1 năm 1990. Ngay sau đó ông bị kỷ luật, khai trừ khỏi cả bộ chính trị lẫn ban bí thư và cả trung ương đảng.

Có lẽ, chỉ trừ ông Trần Xuân Bách, tất cả bộ chính trị đều tán thành đường lối cầu hòa với Trung Quốc. Sự khác nhau chỉ là ở chỗ có những người, như Nguyễn Cơ Thạch, muốn đa dạng hóa quan hệ để đừng bị cô lập và chèn ép ; có những người chấp nhận phục tùng Trung Quốc nhưng vẫn còn ầm ứ như Võ Chí Công, Võ Văn Kiệt, còn đa số hầu như không có tâm sự nào cả.

Riêng hai ông Nguyễn Văn Linh và Lê Đức Anh thì không những chỉ chấp nhận mà còn tỏ ra rất nhiệt tình với lập trường qui phục Trung Quốc không điều kiện. Nguyễn Văn Linh vốn là một người thân Trung Quốc và đã từng bị loại khỏi bộ chính trị trong Đại Hội V, năm 1982. Trong cuộc gặp gỡ với tổng bí thư đảng cộng sản Lào Kaysone Phomvihane tháng 10-1989, Đặng Tiểu Bình trong khi phê phán nặng lời Lê Duẩn đã hết lời ca tụng Nguyễn Văn Linh, nhắc lại năm 1963 đã tổ chức đưa ông Linh sang Bắc Kinh qua ngã Hồng Kông để gặp Đặng. Việc ông trở lại bộ chính trị rồi ngay sau đó lên làm tổng bí thư đánh dấu sự toàn thắng của khuynh hướng cầu hòa với Trung Quốc.

Trong tất cả mọi phát biểu của Nguyễn Văn Linh, lập trường trước sau như một là phải bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc bằng mọi giá. Câu nói quen thuộc của ông là : *"Trung Quốc và Việt Nam là hai nước xã hội chủ nghĩa cùng chống âm mưu của đế quốc Mỹ xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, phải cùng nhau chống đế quốc. Trước hết phải phát triển quan hệ giữa hai nước, các vấn đề khác giải quyết sau"*.

Lê Đức Anh cũng hăng say không kém Nguyễn Văn Linh trong lập trường qui phục Trung Quốc. Nhân vật Lê Đức Anh đặc biệt ở chỗ là ông đã được thăng thưởng rất nhanh chóng trong giai đoạn thù địch với Trung Quốc - từ đại tá lên đại tướng bộ trưởng quốc phòng và ủy viên bộ chính trị trong vài năm - nhưng lại đột ngột trở thành thân Trung Quốc sau khi Nguyễn Văn Linh trở lại cầm quyền, có lẽ là vì hai người đã thân nhau từ giai đoạn cùng chỉ huy cuộc chiến tại miền Nam.

Từ khi Nguyễn Văn Linh trở lại Lê Đức Anh hoàn toàn rập khuôn theo ông Linh trong thái độ đối với Trung Quốc. Đôi khi Lê Đức Anh còn tỏ ra thù ghét "đế quốc Mỹ" và ngưỡng mộ Trung Quốc hơn cả Nguyễn Văn Linh.

Thí dụ như khi sang Phnom Penh, cùng với Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười, để thuyết phục chính quyền Hun Sen chấp nhận cái mà Hà Nội gọi là "giải pháp Đờ", Lê Đức Anh nói : *"Mỹ muốn xóa cộng sản. Nó là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất, phải tìm đồng minh, đồng minh là Trung Quốc"*. Nhờ lập trường này và sự hỗ trợ của Nguyễn Văn Linh mà Lê Đức Anh gần như trở thành nhân vật quyền lực thứ nhì trong chế độ. Tuy chỉ là quân nhân và hoàn toàn không biết gì về bang giao quốc tế, ông lần ất cả ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch trong chính sách đối ngoại.

Ông Trần Quang Cơ thuật lại rằng trước khi ông đàm phán với đại diện Trung Quốc, Lê Đức Anh đã gọi ông cho chỉ thị và ông đã nghe lời khiển ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch phải hỏi gần một cách bức bối : *"Vậy đồng chí theo ý kiến bộ trưởng quốc phòng hay bộ trưởng ngoại giao ?"*.

Trong Đại Hội VII năm 1991, tuy phải nhường chức tổng bí thư cho Đỗ Mười nhưng quyền lực của ông Lê Đức Anh cũng ngang ngửa với tổng bí thư. Ông là ủy viên thường trực bộ chính trị, kiêm bí thư trung ương phụ trách ba ngành quốc phòng, ngoại giao và an ninh, đồng thời là chủ tịch nước. Tại sao ông phải ôm cả ngoại giao và an ninh nếu không phải là để đảm bảo rằng chính sách phục thù Trung Quốc vẫn tiếp tục và để bóp nghẹt những tiếng nói phản đối ? Trong dịp Đại Hội XI năm trước, Lê Đức Anh, dù đã 91 tuổi, bỗng nhiên tái xuất hiện kêu gọi ủng hộ thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và lên án ông Nguyễn Phú Trọng là "tay sai Trung Quốc".

Khi được một người bạn trong nước báo tin và hỏi ý kiến, tôi đã trả lời : "Đừng nên lấy thái độ, nếu ở Việt Nam có một người không được quyền lên án bất cứ ai là tay sai Trung Quốc thì người đó chính là Lê Đức Anh". Sau lưng Nguyễn Văn Linh và Lê Đức Anh là những người hoặc ủng hộ tận tình lập trường hàng phục Trung Quốc hoặc chống Mỹ kịch liệt và do đó phải chấp nhận cầu hòa với Trung Quốc.

Tới đây cần giải tỏa một số lần cần và hiểu lầm.

Điều đáng lưu ý là cách suy nghĩ rất lạ của những người lãnh đạo cộng sản, mà một cách vô tình cuốn hồi ký của Trần Quang Cơ mô tả khá rõ. Họ không lý luận một cách bình thường như người ta có thể hình dung : Trung Quốc muốn gì, sẽ làm gì, có thể làm gì, có những điểm mạnh và điểm yếu nào, có thể giúp gì hay gây thiệt hại nào cho Việt Nam, ngược lại Việt Nam có thể bị đe dọa như thế nào và có thể làm gì v.v. *Họ lý luận một cách thuần túy ý thức hệ*, theo đó Trung Quốc có hai mặt, một mặt xã hội chủ nghĩa và một mặt bá quyền. Trong bảy năm trời, lý luận của Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ loanh quanh xem mặt nào quan trọng hơn với kết luận sau cùng là cả hai mặt đều quan trọng. Nghị quyết 13 của bộ chính trị, ngày 25-5-1988, nhấn mạnh là *"phải khắc phục những tư tưởng lệch lạc chỉ thấy Trung Quốc là bá quyền mà không thấy Trung Quốc là chủ nghĩa xã hội hay chỉ thấy Trung Quốc là chủ nghĩa xã hội mà không thấy Trung Quốc là bá quyền"*. Dẫu vậy mục tiêu của Đảng vẫn là *"phần đầu bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, mọi vấn đề khác đều có thể giải quyết sau"*.

Trong các "vấn đề khác" có vấn đề Trường Sa vì hai tháng trước đó, ngày 14-3-1988, hải quân Trung Quốc đã đánh chiếm một số đảo của Việt Nam tại Trường Sa và làm thiệt mạng hơn 60 binh sĩ Việt Nam. Cách lý luận này ngày nay nhìn lại ta có thể cho là dở hơi nhưng nó nói lên não trạng của những người lãnh đạo cộng sản vào lúc đó và nó cũng có hậu quả cụ thể là Đảng Cộng Sản Việt Nam *chấp nhận trước* những thiệt thòi và mất mát đối với Trung Quốc, vì đã chấp nhận "bình thường hóa quan hệ" dù biết trước Trung Quốc có bản chất bá quyền.

Theo ông Trần Quang Cơ đây không phải là bình thường hóa quan hệ mà chỉ là lệ thuộc hóa. Và lại, điều khó tin nhưng có thực, quyền lợi quốc gia không hề là một quan tâm của các lãnh tụ cộng sản vào lúc đó. Theo Trần Quang Cơ, chỉ mãi về sau này trong cuộc họp kéo dài ba ngày của bộ chính trị từ 15 đến 17-5-1991, khi chính sách đối với Trung Quốc đã quyết định xong, câu hỏi mới được đặt ra là nên chọn đồng minh theo "lợi ích dân tộc" hay theo ý thức hệ. Và câu trả lời cũng vẫn là phải chọn đồng minh theo ý thức hệ.



Trái với một nhận định khá phổ biến, Nguyễn Văn Linh không phải là con người của của đổi mới mà là con người của Trung Quốc. Đại Hội VI, tháng 12-1986, không phải là đại hội đổi mới và một cơ hội dân chủ hóa không thành mà chỉ là đại hội của chọn lựa thần phục Trung Quốc và chống dân chủ. Cái gọi là "đổi mới" của đại hội này chỉ là rập khuôn theo mô hình "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" của Trung Quốc. Đại Hội VII kế tiếp là đại hội khẳng định dứt khoát sự thần phục đối với Trung Quốc, những phần tử có chút tâm sự lẩn cẩn với lập trường này, như Trần Xuân Bách và Nguyễn Cơ Thạch, đều bị loại khỏi ban lãnh đạo. Các đại hội VIII và IX chỉ tiếp tục một đường lối đã thành nền nếp. Khuynh hướng đối đầu với Trung Quốc trong đảng chỉ bắt đầu xuất hiện từ đại hội X trở đi và xuất phát từ lớp đảng viên trẻ sau hai thập niên trao đổi với phương Tây, trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội đã trở thành vô nghĩa và nhất là vì Trung Quốc quá xấu xược.

Cũng trái với một nhận định đã được phản ánh qua nhiều bài viết, kể cả của nhiều người dân chủ, Trung Quốc không hề có mưu mô lôi kéo Việt Nam vào quỹ đạo của họ. Thực tế bề bàng hơn nhiều. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã nài nỉ được phụ thuộc Trung Quốc trong khi Trung Quốc xưa đuổi ; họ chỉ coi Đảng Cộng Sản Việt Nam như một bọn bội bạc và tráo trở bị dồn vào đường cùng.

Trần Quang Cơ tiết lộ : *"Từ năm 1980 đến năm 1988, ta đã ngót hai mươi lần đề nghị đàm phán, Trung Quốc chỉ làm ngơ"*. Đúng ra là từ 1984 trở đi, khi Hà Nội thấy là không còn dựa vào Liên Xô được nữa, như chính ông Cơ kể lại trong cuốn hồi ký. Sự khẩn khoản còn gia tăng hơn nữa sau năm 1988. Việt Nam nhiều lần cầu xin Trung Quốc giương cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội thay thế Liên Xô, trong khi Trung Quốc trả lời dứt khoát là họ không có ý định bảo vệ chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Ưu tiên của họ là tranh thủ sự hợp tác và các thị trường của phương Tây để hiện đại hóa và phát triển kinh tế. Một lần đại sứ Trung Quốc, Trương Đức Duy, nói công khai với quan chức Việt Nam trong buổi tiếp tân của đại sứ quán Ai Cập là *"Trung Quốc không chủ trương giương cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội về mặt đối ngoại"*. Đây phải là chọn lựa rất quả quyết của Trung Quốc nên một đại sứ mới có thể nói công khai và tự nhiên như vậy.

Hà Nội muốn lập lại tình anh em xã hội chủ nghĩa trong khi Trung Quốc nói thẳng là họ chỉ có thể chấp nhận một quan hệ láng giềng "thân nhi bất cận" (thân nhưng không gần). Nhu cầu hòa giải với Trung Quốc còn mạnh đến nỗi nó khiến ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam thúc đẩy Lào lập quan hệ với Trung Quốc để mong nhờ Lào làm trung gian đàm phán với Trung Quốc.

Họ còn cố làm một điều tương là vừa lòng Trung Quốc trong khi Trung Quốc không những không muốn mà còn bức mình. Đó là *"giải pháp Đò"* cho Campuchia. Sau khi Gorbachev gợi ý rằng Việt Nam nên cố gắng tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc để giải quyết cuộc xung đột tại Campuchia, ban lãnh đạo Việt Nam bèn nghĩ ra "giải pháp Đò", nghĩa là thỏa hiệp giữa hai phe cộng sản Campuchia - Pol

Pot do Trung Quốc đỡ đầu và Hun Sen do Việt Nam dựng lên - gạt phẳng đi các lực lượng không cộng sản Sihanouk và Son Sann. Họ tưởng như thế sẽ làm hài lòng Trung Quốc, nhưng Trung Quốc lại không chấp nhận. Bắc Kinh muốn một giải pháp do Liên Hiệp Quốc bảo trợ và dành ưu thế cho các lực lượng không cộng sản, bởi vì họ đang muốn tranh thủ cảm tình của thế giới và nhất là phương Tây. Ban lãnh đạo Việt Nam thật quá chậm hiểu !

Và đồng minh Hun Sen của Hà Nội cũng không chấp nhận "giải pháp Đò" này bởi họ nhất quyết không đội trời chung với bọn Khmer

Đỏ. Giải pháp này cũng phản bội cả hàng trăm ngàn bộ đội Việt Nam đã chết hoặc bị thương tật tại Campuchia dưới danh nghĩa tiêu diệt bọn diệt chủng Khmer Đỏ. Với một sự ngoan cố khó tưởng tượng Nguyễn Văn Linh và Lê Đức Anh vẫn còn cố gắng áp đặt giải pháp này lên Hun Sen trong một thời gian dài để hy vọng cùng với Hun Sen thuyết phục Trung Quốc, ngay cả sau khi đã chấp nhận giải pháp do Trung Quốc đưa ra tại Thành Đô. Kết quả là Hà Nội thất bại và còn mất luôn cảm tình của chế độ Hun Sen mà họ dựng lên.

Con đường cầu hòa đã rất nhọc nhằn cho Hà Nội. Trung Quốc đã đặt ra nhiều điều kiện để chấp nhận nói chuyện về bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, và mỗi khi Hà Nội thỏa mãn xong một điều kiện thì họ lại đặt ra một điều kiện mới và Hà Nội lại phải thỏa mãn. Có khi họ chỉ định cả người đại diện Việt Nam để nói chuyện với họ.

Tại hội nghị Paris, ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch xin gặp ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Thâm và được trả lời rằng Tiền Kỳ Thâm không có thì giờ để tiếp Nguyễn Cơ Thạch nhưng nếu thứ trưởng Trần Quang Cơ muốn gặp thì đồng ý.

Tháng 6-1990, sau sáu năm nhần nhục của Hà Nội, khi Trung Quốc cuối cùng chấp nhận gửi Từ Đôn Tín, một trợ lý ngoại trưởng, sang đàm phán với thứ trưởng Trần Quang Cơ, cả Nguyễn Văn Linh lẫn Lê Đức Anh đều đã tiếp riêng đại sứ Trung Quốc Trương Đức Duy trước ngày Từ Đôn Tín sang để tỏ lòng kính trọng với Trung Quốc. Từ Đôn Tín đã đến một cách ngạo nghễ như một sứ giả thiên triều và tuyên bố: *"Lần này tôi sang Hà Nội để xem xét nguyện vọng của các đồng chí..."*. Từ Đôn Tín tự cho phép mắng ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch và khi ông Thạch trả lời thì nổi giận bỏ đi. Năm sau khi Lê Đức Anh (chủ tịch nước) và Hồng Hà (trưởng ban đối ngoại trung ương đảng) sang thăm Trung Quốc họ đã xin gặp Từ Đôn Tín để xin lỗi, mặc dù trước đó ông Thạch đã bị gạt ra khỏi bộ chính trị và mất chức bộ trưởng ngoại giao để làm vừa lòng Trung Quốc. Lê Chiêu Thống cũng không đến nổi khúm núm như thế.

Nhục nhả hơn nữa là cuộc gặp gỡ Thành Đô. Trần Quang Cơ thuật lại như sau: ngày 28-8-1990, đại sứ Trung Quốc Trương Đức Duy thông báo cho chính quyền Việt Nam biết tổng bí thư Giang Trạch Dân và thủ tướng Lý Bằng muốn gặp tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và thủ tướng Đỗ Mười cùng với cô văn Phạm Văn Đồng để bàn về quan hệ giữa hai bên ngày 3-9-1990 tại Thành Đô (thuộc tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc). Đây là lệnh triệu tập chứ không phải đề nghị. Trung Quốc ấn định ngày giờ, địa điểm và những ai sang Trung Quốc. Họ cũng buộc hai nhân vật quyền lực nhất chế độ, tổng bí thư đảng cộng sản và thủ tướng, phải bỏ ngày quốc khánh Việt Nam để sang họp.

Theo Trần Quang Cơ, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh và Đỗ Mười đã có mặt tại Thành Đô ngày 2-9-1990. (Theo Trương Đức Duy thì họ đến ngày 3-9). Ba ông này sau đó chấp nhận toàn bộ những gì Giang Trạch Dân và Lý Bằng đưa ra. Nhục nhằn như vậy chỉ vì Hà Nội muốn được Bắc Kinh nhận làm đàn em trong khi Bắc Kinh không cần gì cả. Và mỗi "quan hệ bình thường" này sẽ còn kéo dài về sau.

Trong Đại Hội X, năm 2001, để lật đổ tổng bí thư Lê Khả Phiêu, Lê Đức Anh buộc tội Phiêu là đã dăng dặt và độc đoán, khi sang Trung Quốc đàm phán về biên giới không đem theo ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm để để "thậm thực". Nguyễn Chí Trung, trợ lý của Lê Khả Phiêu, biện hộ cho Phiêu như sau: Nguyễn Mạnh Cầm không đi vì thành phần phái đoàn Việt Nam do Trung Quốc quyết định. Chưa hết, hiện nay mọi người Việt Nam đều phần nộ và thế giới cũng phần nộ vì cái lưới bò liềm hết Biển Đông của Trung Quốc. Nhưng cái lưới bò đó do đâu mà có? Đó là vì Bắc Kinh viện cớ họ có một số đảo ở Trường Sa. Đó là những đảo mà họ đã đánh chiếm của Việt Nam năm 1988, sau khi giết hại 64 binh sĩ Việt Nam.

Câu hỏi mà nhiều người đặt ra là tại sao Trung Quốc không nhân dịp chiếm luôn tất cả mọi đảo của Việt Nam tại Trường Sa mà lại chỉ chiếm một vài đảo đá?

Câu trả lời là họ không thể chiếm hết. Thực ra nếu chính quyền cộng sản Việt Nam không muốn, họ cũng không thể chiếm một hòn đảo nào cả. Trường Sa nằm ngoài tầm hoạt động của không quân Trung Quốc và trong tầm hoạt động của không quân Việt Nam. Các tàu chiến của Trung Quốc lúc đó cũng còn khá sơ sài và chưa đủ sức đương đầu với máy bay chiến đấu. Chính quyền cộng sản Việt Nam hoàn toàn có thể phản công lấy lại các đảo đã mất và đuổi tàu chiến Trung Quốc ra khỏi Trường Sa nếu muốn, nhưng họ đã không làm. Họ đang muốn cầu hòa với Trung Quốc bằng mọi giá.

Những ai nghi ngờ điều này có thể nhìn những gì xảy ra ngay sau đó. Ngày 14-3-1988 Trung Quốc đánh Trường Sa. Ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã im lặng. Báo chí của Đảng và Nhà Nước loan tin qua loa rồi thôi. Hai tháng sau, ngày 25-5-1988, bộ chính trị họp và ra nghị quyết 13 khẳng định phải *"phấn đấu bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, mọi vấn đề khác đều có thể giải quyết sau"*. Tháng 9-1988, hiến pháp Việt Nam được tu chỉnh để bỏ đoạn coi Trung Quốc là kẻ thù. Quốc không còn là kẻ thù sa Trung u khi đã đánh chiếm Trường Sa!

Chúng ta đều phần nộ vì sự thần phục quá đáng của Việt Nam đối với Trung Quốc, nhưng ít ai ý thức rằng để được thần phục Trung Quốc đảng cộng sản Việt Nam đã bắt nước ta trả giá rất đắt.

Nhìn lại giai đoạn lịch sử vừa qua cũng chưa xót như nhìn lại giai đoạn nhà Nguyễn bị quân Pháp chinh phục hồi thế kỷ 19. Cũng bám lấy Trung Quốc và một chủ nghĩa đã lỗi thời để từ chối một thay đổi vừa đúng vừa bắt buộc. Chủ nghĩa lỗi thời lần này là chủ nghĩa Mác-Lênin thay vì Khổng Giáo. Chính trị Việt Nam vẫn giữ nguyên sự mù quáng sau một thế kỷ. Điểm khác nhau là ngày trước triều Nguyễn bám lấy Trung Quốc để chống một kẻ thù, lần này Đảng Cộng Sản Việt Nam bám lấy chính kẻ thù.

Người ta khó có thể không đặt những câu hỏi tương tự trong hai trường hợp.

- Nếu ở thế kỷ 19 nhà Nguyễn thay vì bám lấy Khổng Giáo và ngoan cố làm chư hầu Trung Quốc, mạnh dạn mở cửa ra với phương Tây?

- Nếu sau năm 1975, hay vào năm 1984, thay vì bám lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và chọn làm đàn em Liên Xô rồi hàng phục Trung Quốc, Đảng Cộng Sản Việt Nam chọn dứt khoát chuyển hóa về dân chủ?

Gần hơn và khẩn cấp hơn, trong lúc này khi mà khả năng đất nước tách khỏi quỹ đạo Trung Quốc và ra khỏi bệ tắc khá lớn nhưng chưa chắc chắn, là những câu hỏi nhứt nhối:

- Tại sao một thay đổi đột ngột và toàn diện như thế trong chính sách đối với Trung Quốc, từ chống đối hung hăng sang thần phục ngoan ngoãn, lại có thể được quyết định và thực hiện bởi một vài người lãnh đạo thiên cận mà không bị chống đối? Như vậy có thể nói tới một thành phần sáng suốt trong Đảng Cộng Sản Việt Nam không?

- Và tại sao các trí thức Việt Nam cũng chỉ nhận ra thay đổi này khi nó đã hoàn tất? Phải đánh giá thế nào trình độ nhận thức chính trị của trí thức Việt Nam?

Sẽ là một sai lầm lớn nếu chúng ta tránh né những câu hỏi này. Vì rất có thể chính quyền cộng sản lại sắp đưa đất nước vào ngõ cụt một lần nữa.

Nguyễn Gia Kiểng
(Tháng 8/2012)

Tham luận

Trí thức Việt Nam, thôi đừng than khóc. Hãy nhập cuộc !

Việt Hoàng

Không biết là có quá chủ quan không khi tôi cho rằng "trí thức Việt Nam" không nên tiếp tục chỉ trích hay phê phán chính quyền cộng sản nữa. Lý do : đã quá thừa thãi. Chế độ này đang đi vào ngõ cụt mà họ không thể nào tự mình thay đổi, hay tìm được lối ra. Việc chỉ trích chế độ hãy để cho những người dân cùng khổ, như dân oan mất đất, những người có thân nhân bị công an đánh chết...

Trí thức Việt Nam hãy dành thời gian và ưu tư cho việc trước mắt quan trọng hơn, đó là làm thế nào để, có thể, gây sức ép lên chính quyền và buộc nó thay đổi về hướng tự do, dân chủ và tôn trọng nhân quyền.

Trí thức Việt Nam có thể tạm chia làm hai loại, một loại là "trí thức khoa bảng", là những người có trình độ chuyên môn, có học hàm học vị cao nhưng họ lại không quan tâm gì đến cộng đồng chung quanh, họ xem việc phản biện xã hội hay đấu tranh này nọ là việc của người khác. Nổi tiếng nhất trong giới trí thức khoa bảng này có lẽ là giáo sư Ngô Bảo Châu với câu nói trên báo *Tuổi Trẻ* rằng : *"Đối với tôi, trí thức là người lao động trí óc... Giá trị của trí thức là giá trị của sản phẩm mà anh ta làm ra, không liên quan gì đến vai trò phản biện xã hội"*. Loại trí thức thứ hai là những người có hiểu biết và kiên thức (có thể do tự học), họ quan tâm đến mọi người xung quanh và sẵn sàng dân thân cho lẽ phải, chân lý và cho tất cả những người dân thuộc mọi tầng lớp trong xã hội. Tạm gọi họ là những "trí thức dân thân". Đối tượng đề cập trong bài viết này, tất nhiên là những người thuộc nhóm "trí thức dân thân".

Có lẽ chúng ta đều đồng ý với nhau rằng, bất cứ một quốc gia nào muốn phát triển và thịnh vượng thì vai trò của tầng lớp trí thức tinh hoa luôn là chủ lực, là đòn bẩy và động lực cho mọi sự phát triển. Qui luật này có đúng cho trường hợp Việt Nam ? Dưới thời phong kiến, trí thức Việt Nam chỉ những kẻ bầy tôi, sinh ra để hầu hạ và vâng phục giới vua chúa, dù bất kể những ông vua bà chúa đó ngu dốt và vô lại đến đâu đi nữa. Sau khi Pháp xâm lược Việt Nam, một số trí thức đã tiếp cận được với thế giới văn minh nhưng tư duy tột tở của họ vẫn không thay đổi. Một trong những trường hợp điển hình là Nguyễn Trường Tộ, một người có đầu óc tư duy và cải cách những vẫn không vượt quá được chính mình (xem thêm bài "Học gì từ Nguyễn Trường Tộ" của tác giả Giáp Văn Dương). Việt Nam đã từng có một nhân vật xuất chúng, nhưng tiếc thay sự nghiệp của ông vẫn dang dở vì ông đi trước dân tộc mình quá xa, người đó chính là Phan Châu Trinh. Văn hóa của người Việt do ảnh hưởng nặng nề từ văn hóa Trung Quốc nên xã hội Việt Nam đã không chấp nhận những người (dù cải lương) như Nguyễn Trường Tộ hay (cải cách như) Phan Châu Trinh.

Dưới chế độ cộng sản thì vai trò và sứ mệnh của trí thức Việt Nam cũng không có gì thay đổi, họ vẫn chỉ là những bầy tôi trung cho chế độ, họ không được có, và hình như họ cũng không muốn có, một tiếng nói quyết định về số phận dân tộc cũng như chính bản thân họ. Sẽ là chực mữ nếu nói tất cả trí thức Việt Nam đều như vậy, vẫn có những người bất đồng chính kiến như nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, nhưng tiếc thay tiếng nói của họ quá yếu ớt và

không tìm được sự đồng thuận của đa số giới trí thức Việt Nam. Họ hoàn toàn cô đơn.

Một trong những cay đắng và bẽ bàng nhất cho giới trí thức Việt Nam, cho chính quyền cộng sản Việt Nam và dẫn đến những bất hạnh nhất cho dân tộc Việt Nam ngày hôm nay đó là trí thức Việt Nam đã không hề có tiếng nói và vai trò gì trong việc biến Việt Nam, đang từ kẻ thù không đội trời chung bỗng nhiên trở thành người em ngoan ngoãn của chính quyền Trung Quốc.

Đọc bài "Quan hệ Việt - Trung : Thực tế bẽ bàng hơn nhiều" của ông Nguyễn Gia Kiểng, một bài viết công phu, chi tiết và đầy đủ về quá trình chui vào rọ Trung Quốc của chính quyền cộng sản Việt Nam qua cuộc gặp gỡ lịch sử ở Thành Đô, sẽ khiến mỗi người trong chúng ta không khỏi tủi hổ và bẽ bàng thay cho giới "trí thức xã hội chủ nghĩa". Tư duy mê muội về thế giới đại đồng và sự tất



thắng của chủ nghĩa Mác-Lênin khiến cho giới lãnh đạo Việt Nam sẵn sàng gác lại mọi tranh chấp, xung đột, thậm chí mất dần biển, đảo, đất đai về tay Trung Quốc để đổi lấy tình hữu nghị của những người anh em cộng sản. Trong khi thực tế của quan hệ Trung - Việt là quan hệ giữa một con sói già và một con cừu non.

Tất nhiên sẽ có người cho rằng trí thức Việt Nam không thể làm gì hơn, mọi sai lầm là do ban lãnh đạo tối cao của đảng cộng sản quyết định ! Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao những kẻ không có văn hóa lẫn kiến thức cũng như tinh thần dân tộc lại có thể áp đặt mọi chuyện như vậy lên trên cả tầng lớp trí thức Việt Nam ? Cần phải có câu trả lời cho vấn đề này từ giới trí thức Việt Nam, vì một vụ Thành Đô mới đang có nguy cơ xảy ra một lần nữa và lần này là hết phương cứu chữa.

Phải thừa nhận rằng sau vụ "Nhân Văn Giai Phẩm" đến nay, giới trí thức Việt Nam, trong những năm gần đây đã có những chính kiến, phản biện tích cực đối với những vấn đề quốc kế dân sinh. Đã có rất nhiều người lên tiếng chỉ trích chế độ và đứng về phía lẽ phải, về phía người dân. Tiếc thay, những tiếng nói của họ dù đúng nhưng chưa mang lại kết quả như mong muốn vì đó chỉ là những tiếng nói lạc lõng giữa sa mạc. Họ đã van xin, nài nỉ, cảnh báo và thậm chí là dọa dẫm cả đảng lẫn chính quyền nhưng mọi sự vẫn đầu vào đấy. Im lặng và tung ra các đòn gió để trấn an dư luận rồi để mọi sự chìm vào quên lãng là cách hành xử của một chính quyền mà sự thoái nát đã đạt đến cực điểm. Vụ Đoàn Văn Vươn ở Tiên Lãng Hải Phòng là một ví dụ.

Một ngôi sao, một diễn viên xuất sắc, một kịch sĩ tài ba nổi lên trên chính trường Việt Nam, đó là đương kim thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, người đã cho nhân dân Việt Nam và nhất là giới trí thức Việt Nam ăn "bánh vẽ" liên tục. Từ bánh vẽ đầu tiên khi nhậm chức là "nếu không chống được tham nhũng tôi sẽ từ chức", đến bánh vẽ "cần có luật về biểu tình", và gần đây là tuyên bố rằng "Trung Quốc đã dùng vũ lực cưỡng chiếm Hoàng Sa"...

Sắp tới nhân dân Việt Nam có thể ăn thêm một cái bánh vẽ thật to về "nhà nước pháp quyền và dân chủ" của kịch sĩ Nguyễn Tấn Dũng, như nhà báo Huy Đức cảnh báo qua bài viết nổi tiếng "Bầy việt vị của thủ tướng". Nếu xem nhà báo Huy Đức, với việc đứng

cảm vạch trần sự "làm xiếc" của thủ tướng, như là sự phản kháng dứt khoát của giới trí thức Việt Nam với cái xấu cái sai thì những trí thức đang phò tá cho thủ tướng nhằm câu giờ và lừa dối người dân thật đáng lên án và đáng khinh bỉ.

Có lẽ hơn ai hết, trí thức Việt Nam hiểu rằng chế độ này phải kết thúc, nó phải được thay thế bằng một chế độ khác, ưu việt và tử tế hơn. Nếu chế độ này vẫn tiếp tục thì Việt Nam có nguy cơ mất nước hoặc bị tàn lụi trong hận thù, đổ vỡ và chia rẽ. Thế nhưng những điều họ muốn lại không tương ứng với những gì họ đã và đang làm và vì thế giấc mơ đổi đời của người dân Việt Nam vẫn còn ở nơi xa lắm.

Trí thức Việt Nam cần làm gì ? Tiên sĩ Jean-François Sabouret, người đứng đầu Viện Nghiên cứu Thế Giới Châu Á tại Paris, cho rằng trí thức chỉ có con đường dẫn thân. Ông viết : *"Cần phải có những người đứng lên và nói rằng đây là viễn kiến, tầm nhìn mà chúng tôi thấy phải có về Việt Nam. Chẳng hạn như một đất nước phải mở ra đối với nhiều đảng phái, với một nền dân chủ thực sự, với một đối lập được công nhận. Đó là một điều quan trọng đáng làm và những người trí thức Việt Nam phải lên tiếng. Không những chỉ khi họ ở nước ngoài vì điều đó dễ dàng mà ở trong nước, họ phải đoàn kết lại, xuất bản, thảo luận những tạp chí, sách vở, mở ra những hội thảo..."*.

Nhưng, dẫn thân bằng cách nào là tốt nhất ? Chỉ có một cách duy nhất ! Đó là trí thức Việt Nam cần tham gia và đứng chung vào hàng ngũ của những tổ chức chính trị đối lập. Nếu từ chối và khước từ phương pháp này, hành động này thì tốt nhất là họ không nên nói gì nữa, hãy mũ ni che tai và sống nốt cuộc đời tù nhục của mình.

Có những người trí thức rất dũng cảm và rất dẫn thân nhưng vì không tham gia vào một tổ chức nào nên họ trở nên cô đơn và vẫn bị chính quyền trừng phạt nặng, ví dụ thầy giáo Đinh Đăng Định ở Đắc Nông và ông Lê Thanh Tùng ở Hà Nội. Rất nhiều người khác, cho dù không tham gia vào tổ chức chính trị nào nhưng vẫn bị chính quyền kết án nặng nề và sau khi ra tù họ không còn tinh thần để tranh đấu vì một mối, mất hết ý chí lẫn niềm tin. Những nhà dân chủ đấu tranh một mình, không có tổ chức vẫn chưa hiểu rằng để lật sang một trang sử mới cho đất nước, để đổi đời cho cả một dân tộc là một việc vô cùng khó khăn, gian khổ mà một hay vài người không thể làm nổi. Phải có một tổ chức, phải cần kết hợp với nhau, đồng thuận với nhau về một dự án chung, một con đường chung... may ra mới làm nổi công việc đội đá vá trời này.

Có một câu hỏi mà người viết bài này đã nhiều lần đưa ra nhưng không thấy ai trả lời, đó là : nếu đảng cộng sản muốn thay đổi về phía dân chủ thì họ phải "nói chuyện" hay thỏa hiệp với tổ chức nào đây ? Ba Lan thay đổi được trong hòa bình vì có tổ chức đối lập "Công đoàn Đoàn kết", vậy còn Việt Nam thì sao ?

Nên nhớ, một tổ chức đối lập như "Công đoàn Đoàn kết" của Việt Nam không thể từ trên trời rơi xuống mà trí thức Việt Nam phải dựng lên nó, phải tạo ra nó. Thay vì viết kiến nghị, trí thức Việt Nam hãy đứng chung vào một tổ chức. Thay vì xin xỏ chính quyền, họ phải tạo ra áp lực để chính quyền thay đổi. Ví dụ nhóm Bô-xít hay



nhóm 42 nhân sĩ trí thức thành phố Hồ Chí Minh vừa kiến nghị để cho họ được biểu tình phản đối Trung Quốc. Có nhiều trí thức Việt Nam nổi tiếng và có uy tín, ngay cả khi họ tuyên bố tham gia vào một tổ chức chính trị nào đó, chính

quyền cũng không thể làm gì được họ. Một ví dụ cụ thể là trường hợp cố giáo sư Đặng Phong, trong những năm cuối đời ông đã trở thành thành viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Chính ông đã rất nỗ lực dàn xếp để ông Nguyễn Gia Kiểng, lãnh đạo của Tập Hợp về nước và tiếp xúc với chính quyền. Sự việc đã không thành vì ông đột ngột qua đời và vì những yêu cầu và đòi hỏi phi dân chủ từ phía chính quyền cộng sản.



Tầng lớp trí thức dân thân Việt Nam vốn đã ít lại cộng thêm việc không có phương pháp hành động nên dẫn đến hệ quả là phong trào dân chủ đã yếu lại manh mún và chia rẽ. Sự chia rẽ hiện hữu ngay trong những nhóm người đã tích cực tham gia vào các cuộc biểu tình chống Trung Quốc ở Hà Nội thời gian qua và ngay cả với cá nhân những nhà tranh đấu tích cực nhất. Việt Nam vẫn thiếu một tầng lớp trí thức chính trị tinh hoa, là những người biết đoàn kết, định hướng, dẫn dắt và lãnh đạo nhân dân.

Ai cũng nhìn thấy chế độ này ngày càng thối nát và hết thuốc chữa, nhưng nó vẫn còn có thể tồn tại một thời gian dài nữa nếu trước mặt nó không có đối thủ nào. Người dân dù muốn thay đổi nhưng họ không thể làm gì hơn nếu họ không được một tổ chức chính trị đối lập dẫn dắt và lãnh đạo. Một tổ chức đối lập hùng mạnh không thể có được nếu nó không được giới trí thức ủng hộ và tham gia mạnh mẽ. Và có lẽ, người dân Việt Nam còn phải chịu đựng chế độ cộng sản thêm một thời gian dài, cho đến khi thành phần trí thức trẻ Việt Nam đứng dậy, nhận lãnh trách nhiệm với đất nước và dân thân. Người dân Việt Nam khó lòng trông chờ vào tầng lớp trí thức lớn tuổi hiện nay.

Có lẽ phải ngậm ngùi đồng ý với giáo sư Chu Hào rằng, Việt Nam đến giờ vẫn chưa có được tầng lớp chính trị thực sự. Và chúng ta cũng phải đồng ý với ông Nguyễn Gia Kiểng rằng, trong những thứ thiếu hụt nhất đối với trí thức Việt Nam đó là "Văn hóa tổ chức". Vì không có văn hóa tổ chức nên trí thức Việt Nam không thấy có nhu cầu kết hợp và nếu có kết hợp hoặc tham gia vào một tổ chức nào đó thì lại nhanh chóng thất vọng và rút lui. Cả khối 90 triệu người Việt Nam là một đám đông cô đơn và vì thế đám đông đó dễ dàng bị một nhóm nhỏ, bất tài, độc ác, vô liêm sỉ nhưng lại có tổ chức khống chế hoàn toàn.

Để xây dựng được một tổ chức chính trị có uy tín, phải cần một thời gian khá dài. Mười năm hay vài chục năm mới hình thành nên được một tổ chức như vậy. Việc thành lập vội vã những tổ chức chính trị mới sẽ rất khó khăn và khó lòng bền vững do môi trường thông tin quá phức tạp, cộng thêm sự đánh phá bài bản của chính quyền. Những người muốn dẫn thân cho dân chủ nên tìm hiểu và tham gia vào các tổ chức chính trị đã có sẵn mà uy tín đã được kiểm chứng bởi thời gian. Thay vì loay hoay tự đóng thuyền vượt biển, hãy mạnh dạn bước lên những con thuyền lớn đã có sẵn thuyền trưởng và thủy thủ đoàn. Nếu một người có tài và có uy tín thì lo gì không có đất dụng võ.

Chừng nào giới trí thức Việt Nam vẫn chưa ý thức và nhận ra rằng mình cần đứng vào hàng ngũ của những tổ chức chính trị đối lập để làm đối trọng và gây sức ép khiến chính quyền cộng sản, khiến nó phải thay đổi thì ngày ấy 90 triệu người dân Việt Nam còn phải sống dưới chế độ độc tài toàn trị của chế độ cộng sản.

Việt Hoàng (Moskva)
Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Mạn đàm

Trường kỳ mai phục

Trong cuộc chiến cân não về thông tin, chính quyền các nước độc tài toàn trị, trong đó có Việt Nam, đang lùi dần về thế thủ và càng lúc càng mất thế chủ động.

Những cố gắng của chính quyền cộng sản Việt Nam nhằm lũng đoạn môi trường truyền thông đại chúng đang bị vô hiệu hóa một cách nhanh chóng. Trước đây, những hành vi mờ ám của giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam phải đợi đến hàng chục năm mới được phơi bày ra ánh sáng. Ngày nay, nhờ công nghệ thông tin Internet và điện thoại tình khôn, công tác tuyên truyền của những chính quyền toàn trị đang mất dần hiệu lực và đất dụng võ bởi kỹ thuật ngày càng tiên tiến của các hệ thống thông tin sử dụng được sử dụng qua những ký giả dân gian bất đắc dĩ nhưng vô cùng hữu hiệu.

Theo tuần báo *The Economist* (8-9-2012), ngày 23 tháng 4 năm 2002 là thời điểm đánh dấu mốc ngoặt quan trọng trong môi trường quan giữa các hãng cung cấp Internet với Trung Quốc. Vào ngày này, Bộ công an Bắc Kinh yêu cầu Yahoo, một hãng Hoa Kỳ cung cấp dịch vụ Internet, cho biết danh tính của người sáng lập diễn đàn trực tuyến và cung cấp địa chỉ e-mail và điện thư trong một cuộc điều tra truy bắt những kẻ "xúi dục khuynh đảo". Yahoo đã ngoan ngoãn thi hành yêu cầu này. Sau đó không lâu, ông Vương Tiểu Trử (Wang Xiaoning), một nhà hoạt động dân chủ, bị bắt vì tội là sáng lập viên diễn đàn này và dùng điện thư để kêu gọi bầu cử tự do. Ông Vương bị kết án mười năm tù. Ông Vương, năm nay 62 tuổi, vừa được thả vào ngày 31 tháng Tám.

Tình hình của Internet trong mười năm qua đã thay đổi. Các hãng cung cấp mạng của Hoa Kỳ, nhất là Yahoo, đã rút ra nhiều kinh nghiệm đau thương với Trung Quốc. Trước đây, Trung Quốc được xem đơn giản như là một thị trường tiêu thụ béo bở vì không thiếu sáng tạo. Nhưng từ 2002 đến 2004, chuyên viên Trung Quốc đã nắm vững những kỹ thuật chế biến tiên tiến và gia công sản xuất một số lãnh vực kỹ thuật tinh học cao cấp buộc các công ty internet quốc tế phải kiêng dè. Yahoo là một trường hợp điển hình, ban giám đốc thị trường Trung Quốc buộc phải tuân lệnh chính quyền Bắc Kinh trong ít nhất ba vụ tương tự như trường hợp ông Vương. Sự việc chỉ được đưa ra ánh sáng vào năm 2005, khi ông Sư Đào (Shi Tao), một ký giả Trung Hoa, bị kết án mười năm tù vì một điện thư gửi đi từ mạng Yahoo địa phương đến một trang mạng dân chủ ở nước ngoài.

Sau những vụ này, công ty Yahoo đã bị dư luận quốc tế nguyên rủa giống như người chỉ điểm và mất uy tín. Các hãng cung cấp dịch vụ Internet khác cũng đã phải cúi đầu tuân lệnh của Bắc Kinh. Năm 2005, Microsoft bị buộc phải xóa bỏ blog của ông Michael Anti, một người tranh đấu cho dân chủ. Năm 2006, Google tung một phiên bản trình duyệt có kiểm soát tại Trung Quốc, nhưng vào năm 2010 đã tự ý đóng cửa, rồi bỏ thị trường Trung Quốc cùng với hãng Cisco (cũng dùng những trang bị để kiểm duyệt Internet).

Năm 2007, tại một buổi điều trần trước quốc hội, ông Jerry Yang, người sáng lập Yahoo, đã công khai xin lỗi bà mẹ của ông Sư Đào. Yahoo đã bồi thường cho ông Sư và ông Vương và từ đó bắt đầu lên án việc ngăn chặn tự do ngôn luận.

Giờ đây ba hãng Yahoo, Microsoft và Google đã trở nên thành viên của Global Network Initiative, một tổ chức công nhận những nguyên tắc căn bản về tự do ngôn luận và tôn trọng đời tư trực tuyến. Những hãng này không hiện diện tại một số các nước độc tài. Bà Rebecca McKinnon, một chuyên gia về tự do internet, nhận xét Microsoft và Google vì không muốn bị chung số phận với Yahoo nên không bao giờ cài đặt phiên bản kiểm duyệt kiểu Trung Quốc lên trên Hotmail và Gmail. Để không xa vào bẫy như ở Trung Quốc, Yahoo đã đặt server chạy tiếng Việt tại Singapore.

Hiện nay chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn ráo riết tìm cách đánh phá những mạng và trang blog lẻ trái, phê bình và chống đối chế độ,

hòng bóp nghẹt tiếng nói của người dân. Trong tương lai, vì không còn phương cách nào khác để ngăn chặn những dòng thông tin lưu truyền trên Internet, rất có thể chính quyền cộng sản Việt Nam trong một động thái vô vọng như đóng cửa tất cả những dịch vụ Internet trên toàn quốc, giống như cựu tổng thống Mubarak đã làm ở Ai Cập.

Ngày nay không ai phủ nhận Internet đã làm thay đổi hẳn cục diện đấu tranh của những nhà dân chủ, vừa nhanh chóng vừa kín đáo. Chính nhờ dịch vụ tìm kiếm hình ảnh của Google, mà tác giả Lê Nguyên Hồng trong bài viết "*Đưa ra ánh sáng công luận một trường hợp làm gián điệp dân chủ*" đã lột trần việc ngụy tạo hình ảnh của một blogger tên là Kami, có nhiều bài viết trên RFA (Radio Free Asia) để xâm nhập vào các trang mạng của những blogger khác để đánh cắp tài liệu.

Kami đã đánh cắp hình ảnh của tiến sĩ Panitan Wattanayagorn, phát ngôn nhân của chính quyền Thái vào năm 2010, để che giấu tung tích thực sự của mình. Kami chỉ là một cán bộ trong số hàng trăm cán bộ của bộ máy bảo vệ chính quyền cộng sản Việt Nam, được huấn luyện và đào tạo để xâm nhập các diễn đàn, các trang mạng và blog.

Song song với việc bóp nghẹt thông tin, chính quyền cộng sản Việt Nam còn có cả một đội ngũ chuyên viên viết bài bôi nhọ, vô hiệu hóa những hoạt động đòi hỏi nhân quyền và tự do ngôn luận của những người đòi lập.

Những thủ đoạn của chính quyền cộng sản Việt Nam giống như một hành động gần đây của một pháp sư Hồi giáo (imam) ở Pakistan, đã xé kinh Coran đem đốt và bỏ vào giỏ xách của một bé gái 12 tuổi tên Rimsha để tạo chứng cứ tố cáo trước chính quyền rằng cô gái này đã phạm tội phi báng kinh thánh, một tội danh có thể đưa đến tử hình. Nhưng rủi thay vị imam này, có người thấy và tố cáo đương sự đã tự ý xé và đốt Thánh Kinh rồi bỏ vào giỏ xách của bé gái, cô bé Rimsha đã được tại ngoại hậu tra.

Được biết cô bé này sống trong một gia đình Công giáo và có khuyết tật bẩm sinh. Cho nên mới thấy chuyện gấp lửa bỏ vào tay người không riêng gì xảy ra ở Việt Nam mà còn xảy ra ở Pakistan. Lòng hận thù tôn giáo, lòng hận thù giai cấp đã đưa con người đến những hành động bất nhân. Họ vẫn tiếp tục lý luận theo phương cách "cứu cánh biện minh cho phương tiện". Họ bắt chước mọi thủ đoạn để đạt được mục đích.

Công tác chính của những cán bộ đặc công Internet cộng sản hiện nay là làm cò mồi để theo dõi và bắt những người nhẹ dạ sa vào bẫy. Thủ đoạn tuy giản dị nhưng vô cùng hiệu quả là tung những bài viết tố cáo và lên án chính quyền cộng sản một cách thậm tệ để thu hút độc giả. Để làm giống như thực, lâu lâu họ cũng gài vào trong bài những lời chỉ trích nhẹ nhàng, những lời tố cáo vu vơ nhắm vào những ai bất đồng chính kiến với chính quyền để gây hoang mang. Họ khai thác rất nhuần nhuyễn kỹ thuật này, trong quá khứ họ đã thành công vì tâm lý chống cộng mù quáng của người Việt vẫn còn mạnh mẽ.

Sự thành công của những đặc công internet dựa vào mặc cảm tự tôn, tâm lý trịch thượng của những người tự coi mình đứng trên những phê bình ôn hòa hay những người đấu tranh không có đường hướng và không có tổ chức. Những cán bộ đặc công này tự nhận họ là đỉnh cao trí tuệ vì đã đánh lừa được khá nhiều người, khá nhiều tổ chức trong một thời gian dài. Họ rất hãnh diện với hành động của họ. Họ không thấy việc làm của họ là vô liêm sỉ, họ đang tự chôn vùi nhân cách và phẩm giá của họ trong bùn nhơ, quỵ lụy kẻ quyền thế để hưởng một vài bổng lộc nhỏ bé, nói chung họ đang đánh mất bản thân và trở thành vô nhân đạo.

Ngày nay lý tưởng chủ nghĩa xã hội không còn nữa, nhưng hận thù giai cấp của những cán bộ công an bảo vệ đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn. Trách nhiệm chính của họ là tiếp tục trường kỳ mai phục để đánh phá những người đấu tranh cho tự do và dân chủ mà họ cho là tiếp tay cho các "thế lực thù địch". Rất tiếc là những thanh niên đầy tài năng này không thấy thế giới đang chuyển biến, hòa giải và hòa hợp dân tộc, dân chủ đa nguyên, bất bạo động đang là những giá trị phổ cập của loài người. Chông phá hay ngăn cản chỉ là công dã tràng, nghĩa là vô vọng.

Nguyễn Gia Thường (Bruxelles)

Ghi nhanh

Bức ảnh thay ngàn lời muốn nói

Chiều ngày 7 tháng 9 vừa qua, một bức ảnh đã khiến nhiều người trong chúng ta rơi lệ theo, đó là bức ảnh ông Nguyễn Văn Khai, 80 tuổi, cha của nhà báo Hoàng Khương, tức Nguyễn Văn Khương, bật khóc sau khi nghe con mình bị tuyên án 4 năm tù giam. Ông Khai khẩn khoản xin tòa cho phép con trai ông đến bệnh viện Nguyễn Trãi thăm mẹ lần cuối vì bà đang trong tình trạng hấp hối.

"Tòa đã tuyên án rồi, tháng năm ngồi tù đàng đẵng. Phải xin ai, xin cấp nào đây để Khương được vào thăm mẹ?" - ông Khai thần thờ.

Phiên tòa đã chấm dứt trong không khí nặng nề. Hàng trăm đồng nghiệp, cùng thân nhân, bạn bè và nạn nhân ngoài xã hội được Hoàng Khương viết bài nói lên sự thật, đã đến đông đủ trước cổng trụ sở tòa án để bày tỏ sự ủng hộ. Nhiều người đã khóc sau khi nghe Hoàng Khương phát biểu và tòa tuyên bố án.



Vụ án nhà báo Hoàng Khương của báo Tuổi Trẻ, vì muốn tìm bằng chứng để phanh phui một đường dây tham nhũng và ăn hối lộ của cảnh sát giao thông thành phố Hồ Chí Minh, đã đưa tiền cho cảnh sát giao thông và sau đó sử dụng tư liệu thu được để viết bài đăng báo. Cảnh sát đã trả thù bằng việc bắt giam Hoàng Khương, Viện kiểm sát đề nghị một bản án từ 6 đến 7 năm tù giam về tội "đưa tiền hối lộ", sau cùng Tòa án thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án nhà báo Hoàng Khương 4 năm tù giam.

Công luận đã kịch liệt lên án và phản đối bản án bất công và vô nhân đạo này. Hoàng Khương làm việc theo sự phân công của tòa báo chứ không tự ý mình làm, và điều quan trọng nhất mà ai cũng biết là nạn hối lộ và tham nhũng hoành hành khắp hang cùng ngõ hẻm trên lãnh thổ Việt Nam, và trở thành thói quen trong đủ mọi lĩnh vực nào chứ không riêng gì trong ngành cảnh sát giao thông. Tuy nhiên để có được bằng chứng cho sự hối lộ là chuyện không dễ dàng, Hoàng Khương cố gắng làm điều đó và anh đã trả giá.

Theo luật Việt Nam thì đưa số tiền trên 2 triệu đồng cho "lực lượng thi hành công vụ" là phạm tội "đưa hối lộ". Tuy nhiên trong vụ này, dư luận không thấy kẻ nhận hối lộ bị trừng phạt hay được nhắc đến mà chỉ thấy một nhà báo bị trừng phạt trong khi tác nghiệp. Việc đưa vào bộ luật hình sự tội "hối lộ" do đó còn cần phải tranh cãi.

Là người dân, khi phạm lỗi ai cũng muốn được xóa tội một cách nhanh chóng mà cách hay nhất là bằng cách hối lộ. Đây là biện pháp được đa số người dân sử dụng khi phạm lỗi, dù sai (vì nó khuyến khích lực lượng chức năng nhận hối lộ) nhưng tiện lợi và đỡ tốn kém, và nhất là đỡ mất thời gian. Đúng ra, tội "đưa hối lộ" chỉ nên phạt hành chính, còn tội "nhận hối lộ" mới cần phải nghiêm trị, cần ghép vào tội hình sự. Một bên là người dân, do thiếu hiểu biết và thiếu thời gian nên hay mắc lỗi, trong khi đó "lực lượng thi hành công vụ" là những viên chức nhà nước, được đào tạo và được trả lương để thi hành nhiệm vụ. Giữa hai đối tượng đó, kẻ đáng bị trừng phạt là kẻ nhận hối lộ chứ không phải là kẻ đưa hối lộ.

Trong vụ án Hoàng Khương, ngoài lập luận trên, động cơ chính của nhà báo là nhằm ngăn chặn nạn hối lộ của cảnh sát giao thông

thành phố Hồ Chí Minh. Qua loạt bài mang tên "Chặn đứng tham họa giao thông", nhất là hai bài "Đồng tiền xóa sạch hồ sơ" và "Cảnh sát giao thông giải cứu xe đua trái phép", nội dung các bài viết mang tính lợi ích cho toàn thể dân chúng thành phố. Kẻ đáng bị trừng trị và kết án trong vụ này phải là lực lượng cảnh sát giao thông.



Với việc bỏ tù nhà báo Hoàng Khương, rõ ràng là chế độ này đã đứng về phía cường quyền để trừng phạt nhân dân. Một chế độ như vậy không phải là chế độ bênh vực quyền lợi của người dân, nó không đại diện cho quyền lợi người dân mà còn bao che kẻ vi phạm và không chế, bịt miệng những người dám tố cáo những hành vi sai phạm. Một chế độ như vậy trái với mong ước của người dân, do đó cần phải thay thế.

Để bày tỏ sự phản đối, ban biên tập báo Tuổi Trẻ khẳng định đây là hoạt động tác nghiệp báo chí của Hoàng Khương. Đội ngũ cán bộ và nhân viên tờ báo xác định vẫn luôn bên cạnh Hoàng Khương, chung vui với những bài báo đầy nhiệt huyết của anh và chia sẻ với những rủi ro nghề nghiệp của anh. Ban biên tập báo Tuổi Trẻ tuyên bố sẽ tiếp tục chăm sóc, giúp đỡ gia đình anh, đặc biệt là mẹ của anh đang bệnh nặng, và hỗ trợ vợ con anh để giữ ổn định trong cuộc sống và con cái yên tâm đến trường.

Một bình luận chí lý về niềm tin chế độ này đã đánh mất sau vụ án bỏ tù Hoàng Khương là của blogger Mai Thanh Hải: "*Sự đổ vỡ của những thứ to lớn - thành trì, hầu hết đều bắt nguồn từ những sự việc - hình ảnh nhỏ nhoi, giản đơn như thế này. Khái niệm "niềm tin và hy vọng", từ những năm chiến tranh, mà mình dễ gặp lại nhất khi xem lại những hình ảnh tư liệu trong video clip bài hát "Hà Nội - Niềm tin và hy vọng", vốn đã đổ vỡ, chỉ còn chút móng lung lay, hôm nay cũng sụp xuống, cùng sự thất vọng chảy tràn trên gò má nhăn nheo của người Cha đã sinh ra đồng nghiệp.*"



"*Ác độc và không có tính người!*" - Ai đó nói vậy hơi quá, nhưng quả thật đừng đừng đem con người ta vào con số 4, mặc cho người mẹ đang hấp hối trong bệnh viện, cha già yếu và vợ con bệnh tật - nhỏ nhoi... thì chỉ ngày hôm nay, người ta mới gặp được, trên đất nước này.

Bảo vệ và xây dựng chính thể - chế độ không chỉ đơn thuần là việc xếp gạch xây nhà, trộn xi măng trát vữa, mà quan trọng hơn cả là niềm tin - sự đồng thuận, góp sức từ trong tinh thần, tâm tưởng cho sự tồn tại, đứng vững của mọi quyết sách - cách hành xử.

Nếu niềm tin bị đánh mất và hy vọng bị sụp đổ từ những người dân bình thường nhất, những người cầm bút hay được gán là "chiến sĩ bảo vệ mặt trận văn hóa - tư tưởng" nhất, thì việc đổ vỡ của những điều lớn lao là hiển nhiên, không thể chối cãi...

Giữ gìn chế độ - chính thể, không thể bằng những cách phi lý và độc ác, như thế này!"

Chế độ này ngày càng thách thức và coi thường người dân Việt Nam trong đó có cả giới nhà báo. Chẳng lẽ 90 triệu người dân Việt Nam cứ cam chịu mãi thế này sao?

Hoàng Việt (Sài Gòn)



Mạn đàm

Nợ xấu ngân hàng - Tự hào Việt Nam

Alan Phan

Nợ xấu ngân hàng

Những ngày còn mài quần ở các lớp MBA, tôi thường nhìn những vị quản lý ngân hàng (banker) với nhiều ngưỡng mộ và chút ganh tị. Ngoài việc phải có một học vị giỏi giang ở các trường danh tiếng, họ ăn mặc rất lịch sự, dự những tiệc tùng hoành tráng, ăn trên ngồi trước, được mọi người nể trọng, hàng xóm gia đình khen ngợi. Dù sao, họ đại diện cho "đồng tiền" và trong xã hội tư bản, đây là loại huân chương cao quý nhất. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, có lẽ chỉ có các đồng chí mới có những vinh dự này.

Nhưng có lẽ vì ăn uống quá nhiều (kể cả những tăng bốc nhiều không khí), nên bụng các vị thường phình ra và khi máu chạy hết xuống bao tử, cái đầu bỗng thiếu máu và ngu ra một chút. Hiện tượng này cũng hay hiện diện ở các chàng trai sung sức. Hễ thấy một chân dài sexy, bốc lửa, là mặt ngêch ra, đầu óc không còn chút máu, và bị người đẹp xỏ mũi dắt đi như một con bò ngoan (kinh nghiệm cá nhân).

Tháng rồi, trong chuyến bay từ New York về Los Angeles, tôi ngồi cạnh một banker của một ngân hàng lớn thế giới. Anh ngà ngà say, ngồi kể liên miên những bí mật nửa hở nửa kín của ngân hàng anh đang làm. Chỉ tiếc là anh đang quản lý khối chi nhánh bên Trung Á, chứ nếu anh coi khu vực ASEAN thì tôi lại có nhiều điều để học (và cười).

Điều anh kể cũng không gì mới lạ. Trong cuộc thi đua đạt chỉ tiêu và thành tích (ảnh hưởng rất nhiều đến bonus cuối năm và tương lai sự nghiệp), các bankers thường bỏ qua mọi nguyên tắc về quản lý rủi ro và đôi khi tạo dựng hồ sơ cùng khách hàng để mọi người "vui vẻ". Dù sao, đây cũng là tiền người khác (OPM) và khi nợ đáo hạn, ta đã cao bay nơi chốn nào, để lại đồng phân cho thằng khác dọn dẹp.

Anh nói về một phi vụ mà JP Morgan Chase, RBS, HSBC, Credit Suisse mất 15 tỷ đô la tại Kazakhstan. Mọi chuyện khởi đầu với một ngân hàng địa phương phát hành trái phiếu với nhiều hồ sơ giả mạo. Vì chủ nhân là một người thân của tổng thống đương nhiệm, nên các vị bankers phải cố ếm nhem giấu để còn "được phép" làm ăn tại xứ nhiều mỏ dầu và khoáng sản này.

Chuyện ngân hàng BTA ở Kazakhstan nghe cũng quen thuộc. Cách đây 6 năm, các nhà đầu tư ngoại quốc và ngân hàng thế giới ào ạt đổ tiền vào Kazakhstan sau khi tổng thống Nazarbayev mở cửa theo kinh tế thị trường và giá dầu lên đỉnh. Tăng trưởng GDP đạt mức 10% trung bình trong 10 năm liên tiếp (không biết họ tìm được ông tư vấn nào đã có kinh nghiệm làm cho Cục Thống Kê Trung Quốc hay Việt Nam?). Với một số tiền khá lớn đầu tư nước ngoài, BTA cho vay bừa bãi tứ xứ, như một chân dài vừa sẵn trúng vài ba đại gia một lúc. Nợ xấu lên đến 6 tỷ đô la. Dĩ nhiên, ngân hàng nhà nước không thể để BTA phá sản nên mua lại 6 tỷ đô nợ xấu và bơm thêm 6 tỷ đô la nữa bằng trái phiếu bán cho các ngân hàng quốc tế. Sau cùng, chánh phủ cũng không in tiền kịp để trả nợ và Kazakhstan phải phá giá bản vị tenge 21% vào 2009.

Chuyện cười ra nước mắt là anh banker trên máy bay được phái đi Kazakhstan để thẩm hỏi các tài sản cầm cố cho món nợ hơn 600 triệu đô. Trong đó, có phi vụ BTA cho một cá nhân ở một tỉnh khá hẻo lánh vay 70 triệu đô la để làm một dự án nông nghiệp hoành tráng hiện đại (tôi đang xin kế hoạch kinh doanh này và sẽ nộp cho

vài ngân hàng ở đây). Anh banker phải mất gần một ngày trời mới đến ngôi làng nhỏ và tìm ra người chủ vay. Ông này làm chủ một nông trại rộng chưa hơn một hectare và tài sản quý báu duy nhất là 32 con cừu và dê trong trại. Ông ta hoàn toàn ngạc nhiên khi biết mình nợ đến 70 triệu đô (tính ra một con cừu trị giá hơn 2 triệu) và không biết thằng chó chết nào đã xài dùm mình 70 triệu mà thậm chí không gởi biểu được một chai rượu?

Tôi chắc chắn một vài ông hay bà nông dân ở Đồng Tháp hay Bắc Kạn đang sở hữu vài chục triệu đô la mà họ không biết? Dư tiền để sở hữu một chiếc Rolls Royce và mời Mr. Đàm về hát cho đám cưới con mình.

(04/09/2012)

Tự hào Việt Nam

Không một dân tộc nào mà không có ít nhiều kiêu hãnh về nguồn gốc mình, dù là công dân của một siêu cường hay một nhược tiểu. Cách đây hai năm, tôi có gặp một anh bác sĩ người Zimbabwe vừa đến Los Angeles tị nạn.

Xứ sở của anh ta là một điển hình về sự sụp đổ toàn diện (a failed state) từ kinh tế, xã hội đến y tế, môi trường. Thực ra trước đó, Zimbabwe, còn được gọi là Rhodesia, có một mức sống cao nhất Phi Châu. Sự sụp đổ bắt đầu khi ngài Mugabe và đảng cầm quyền giành được độc lập và thống trị nước này suốt 30 năm qua. Tuy vậy, khi nói về đất nước, anh bạn này rất hãnh diện đến độ cực đoan, dù anh ta mới chạy trốn khỏi xứ đó vài ba tháng trước.

Trong nhiều trận đá bóng tại Mỹ Quốc, nhiều cư dân Mỹ gốc Mexico đã cổ vũ nồng nhiệt cho đội tuyển Mexico chống lại đội Mỹ, gây nhiều đề tài tranh cãi tại các cộng đồng địa phương. Nhiều người cho rằng đây là biểu hiện của mặc cảm thua kém. Tuy vậy, người Mỹ thường có tinh thần yêu nước quá khích hơn các dân tộc châu Âu. Nhiều người lại cho rằng đây là mặc cảm tự tôn?

Ở Việt Nam, đề tài tự hào về dân tộc được nhắc nhở khá nhiều tại mọi kênh truyền thông khắp nước. Sĩ diện của xã hội cũng bày tỏ rất sôi nổi khi một trận chung kết giữa Việt Nam và Mã Lai sẽ quyết định chức vô địch cho một giải gì đó ở ASEAN. Cả thành phố chuẩn bị cho một cuộc náo loạn của vài chục ngàn cổ động viên đi báo bằng xe gắn máy trên khắp nẻo đường. Tiếc là Việt Nam đã thua và tôi mất đi một kinh nghiệm quý báu để quan sát sự biểu dương về tự hào dân tộc.

Có lẽ vì lòng yêu nước cực độ, người Việt Nam hay quan tâm lo lắng không biết là người nước ngoài nghĩ gì và có đánh giá cao dân tộc và xứ sở này? Một anh bạn doanh nhân người Anh sống ở Hà Nội hơn bảy năm qua cho biết câu hỏi ông phải trả lời nhiều nhất trong mọi cuộc gặp gỡ quan chức cũng như dân cư là "Ông nghĩ thế nào về Việt Nam?". Trên thế giới, ngay cả người Trung Quốc, nơi sinh ra của văn hóa sĩ diện, cũng không sánh bằng chúng ta về tinh thần tự hào dân tộc.

Do đó, không lạ gì khi những tit lớn của các tờ báo và kênh truyền thông là những lời phát biểu ngợi khen Việt Nam của các nhà ngoại giao hay một nhân vật nước ngoài vừa đến thăm. Có lẽ tác giả các bài viết chưa hiểu rõ định nghĩa của danh từ "ngoại giao".

Tôi còn nhớ cách đây bốn năm, tôi tháp tùng một phái đoàn thương mại của các doanh nhân Hồng Kông qua thăm Pakistan về

cơ hội đầu tư. Kết thúc một cuộc viếng thăm năm ngày do chính phủ Pakistan tổ chức là một cuộc họp báo tại sân bay Karachi. Sau nhiều câu hỏi về đủ mọi đề tài dành cho các đại gia nổi tiếng của Hồng Kông, một ký giả đã chỉ đích danh tôi, "Ông là một nhà kinh tế học, vậy xin ông cho biết ông nghĩ gì về kinh tế Pakistan?".

Trước đó không lâu, tôi ở lại Pakistan suốt hai tháng trời nên có câu trả lời thông suốt, "Pakistan là một quốc gia rất nhiều tiềm năng, nhiều tài nguyên thiên nhiên, với một dân số trẻ trung năng hoạt, giá nhân công còn rẻ so với các quốc gia quanh vùng và một nền chính trị tương đối vững vàng (lúc đó Musharraf còn đang nắm quyền). Tôi không thấy gì có thể ngăn cản Pakistan trở thành một nước phát triển kinh tế nhanh chóng nhất ở thị trường mới nổi". Dĩ nhiên tôi không thể nói gì khác hơn. Họ đã tiếp đãi chúng tôi rất nồng nhiệt và mời chúng tôi những bữa ăn đặc thù ngon miệng.

Tôi cũng để ý rằng các nhận định rất tích cực của các nhà quản lý đầu tư các quỹ nước ngoài tại Việt Nam tại các buổi hội thảo, phòng vấn... đã được rầm rộ quảng bá trên các kênh truyền thông. Đây là những nhân vật mà lẽ sống (raison d'être) là tìm cho được các khách hàng có tiền để đầu tư vào Việt Nam. Nếu họ nói ngược lại những gì mà chúng ta và khách hàng của họ đang mong đợi thì đây mới thật sự là chuyện lạ, đáng làm tit lớn.

Ngược lại, cũng có nhiều nhà phê bình trong chúng ta với thái độ khá nghiêm khắc về các vấn nạn quốc gia, từ văn hóa, xã hội đến kinh tế, môi trường. Dựa trên những chuẩn mực khá cao của các xã hội Âu Mỹ, họ đánh giá Việt Nam rất tiêu cực và bi quan. Họ đưa ra những đòi hỏi và giải pháp không thực hiện nổi trong một thực tế khó khăn và một cơ chế phức tạp như Việt Nam. Dù ước muốn của họ chỉ là tìm kiếm một giải pháp cấp tốc cho mọi vấn đề và tiếng nói họ cũng đã thể hiện tinh thần yêu nước sâu đậm, nhưng sự mong đợi quá mức có thể gây tác hại ngược lại: đó là hậu quả cho những thất vọng nặng nề sau này.

Một quốc gia có thể được đánh giá cao hay thấp trong nấc thang văn minh nhân loại dựa trên nhiều yếu tố: văn hóa, nghệ thuật, lịch sử, kinh tế, chính trị, giáo dục, thiên nhiên, môi trường, dân trí và ngay cả thể thao. Mỗi yếu tố đều có một thước đo có thể định lượng, dù với những tài sản vô hình. Nhiều cơ quan trên thế giới đã định giá các quốc gia bằng đủ các chỉ số, từ chỉ số hạnh phúc đến chỉ số tham nhũng (không biết dựa vào số liệu nào?), dĩ nhiên là dựa trên các chuẩn mực rất chủ quan của các nước Tây phương.

Nhưng tựu trung, tôi nhận xét thấy con số quan trọng nhất vẫn là GDP hay mức thu nhập mỗi đầu người (GDP or GNI per capita). Chỉ số giàu nghèo này định đoạt nhiều bậc thang giá trị khác. Một nước giàu thường có thiên nhiên xanh, môi trường sạch, y tế giáo dục chất lượng, văn hóa nghệ thuật xúc tích, khoa học tiên bộ, dân trí đạo đức cao cấp. Một ví dụ là Ai Cập có một nền văn minh cổ đại và lịch sử phong phú, nhưng vì là nước nghèo, nên văn hóa truyền thống của họ không phổ biến và được tôn trọng bằng các quốc gia Âu Mỹ. Cho nên ngay cả các định giá này, dù thực dụng, cũng chưa chắc đã chính xác theo khoa học.

Báo cáo năm 2009 của Chỉ Số Hạnh Phúc Toàn Cầu (Happy Planet Index) xếp Việt Nam vào hạng thứ 5 của thế giới. Trong khi đó, Đan Mạch và New Zealand xếp hạng thứ 102 và 105. Dù người Việt hạnh phúc hơn, nhưng ai cũng biết là quốc gia và dân tộc nào được kính nể và tôn trọng hơn khi đi tiếp cận với nước ngoài.

Theo giáo sư Trần Hữu Dũng của đại học Wright State, "ta cần biết ta hơn nữa để hoạch định chính sách kinh tế, để biểu hiện căn tính của một xã hội văn minh... và phải đưa cái "biết" này trên căn

bản độc lập, đa dạng và công khai. "Không biết mình thì làm sao trăm trận trăm thắng được"?

Vì đã sống liên tục 26 năm ở Mỹ và sau đó, sống cũng như công tác liên tục hơn 22 năm qua tại 32 quốc gia khác nhau từ Nam Mỹ, Phi Châu đến Á Châu và Úc, tôi hay bị "điều tra" để so sánh về bậc thang giá trị giữa nhiều quốc gia và dân tộc.



Về Việt Nam, cảm nhận chủ quan của tôi như sau:

Những vấn nạn hiện tại của Việt Nam như kinh tế, tài chính hay y tế, giáo dục, môi trường và dân trí... đều rất quen thuộc với các quốc gia trong tình trạng "mới nổi". Các vấn nạn này, 15 năm trước Trung Quốc đã trải nghiệm, 30 năm trước Thái Lan đã phải đối đầu, 60 năm trước Nhật Bản đã phải vượt qua và 100 năm trước nước Mỹ đã tìm cách giải quyết. Chúng ta chậm hơn người, nhưng lại có lợi thế là có thể dùng kinh nghiệm của kẻ đi trước để tránh nhiều sai lầm. Chúng ta có thể lạc quan mà nghĩ rằng Việt Nam sẽ "đi tắt đón đầu" như chiến thuật của ông Bình ở Vinashin; hay chúng ta có thể bi quan mà cho rằng Việt Nam sẽ không bao giờ "vượt bầy thu nhập trung bình" như nhiều chuyên gia lo ngại. Thực sự, tôi tin rằng không ai có thể đoán được.

Theo những hành xử trong quá khứ thì người Việt chúng ta có nhiều kỹ năng đặc biệt như khôn ngoan, cần cù, cầu tiến, can đảm... nhưng cũng vướng nhiều khuyết điểm như manh mún, hình thức, cầu thả... Xét về thành quả đã qua, thì kinh tế, xã hội Việt đã phát triển chậm hơn các quốc gia đang mở mang khác (tính từ 1975 sau khi có hòa bình). Nói tóm lại, trong một lớp học của thế giới, cậu học trò Việt được xếp hạng một chút dưới trung bình. Không quá tệ để xấu hổ, nhưng cũng không gì xuất sắc để hãnh diện.

Theo kinh nghiệm, một cậu học trò có thể tìm một nghị lực và phương pháp học mới hơn để đạt tiến bộ nhanh và trở thành một học trò đầu bảng. Ngược lại, một anh sinh viên ưu tú có thể gặp một môi trường ngang trái và suy sụp đến độ bỏ học. Không ai có thể ngăn cản Việt Nam trở thành một học trò đầu bảng, và tôi hy vọng đất nước này sẽ may mắn không trải qua nhiều cuộc tình ngang trái.

Thực ra, dù nhìn trên khía cạnh nào, chuyện tự hào dân tộc không đáng để chúng ta lưu tâm vì nó không ảnh hưởng gì đến tương lai của xứ sở. Cổ vũ cho một đội nhà nồng nhiệt và hoành tráng đến đâu cũng không làm thay đổi kết quả trận đá bóng (đôi khi còn có hậu quả ngược lại vì làm các vận động viên quá căng thẳng). Việc làm duy nhất để thay đổi tương lai của chúng ta là cố gắng liên tục và bền vững của từng cá nhân, từng cộng đồng, từng tầng lớp xã hội. Sự tiến bộ này của ngày hôm nay so với ngày hôm qua mới là thành quả để hãnh diện hay xấu hổ, không phải là lời khen tiêng chê từ người ngoài.

Người Mỹ có câu nói: "Ở lứa tuổi 20, ta thường rất quan tâm đến suy nghĩ của người khác về mình. Ở lứa tuổi 40, ta thường mặc kệ ai muốn nghĩ sao về mình cũng được. Cho đến lứa tuổi 60, ta mới khám phá ra rằng là chẳng ai nghĩ gì về mình cả".

Alan Phan (29/11/2011)

Alan Phan là chủ tịch Quỹ Đầu Tư Viasa tại Hongkong và Shanghai. Du học Mỹ từ năm 1963, ông đã làm việc tại nhiều công ty đa quốc gia ở Wall Street và phát triển công ty Hartcourt của ông thành một tập đoàn niêm yết trên sàn Mỹ với thị giá hơn 700 triệu dollars. Ông sống và làm việc tại Trung Quốc từ năm 1999. Alan Phan tốt nghiệp BS tại Penn State (Mỹ), MBA tại American Intercontinental (Mỹ), Ph.D tại Sussex (Anh) và DPA tại Southern Cross (Úc).

Http://www.gocnhinalan.com - Email của ông là aphan@asiamail.com.

Blog VOA

Hình thức chiến tranh mới trên Biển Đông và chống tham nhũng

Nguyễn Hưng Quốc

Biển Đông và hình thức chiến tranh mới

Năm ngoái, trên tờ *Business Insider*, có một bài viết rất ấn tượng, cứ đeo đẳng trong tâm trí tôi mãi : "Tại sao chiến tranh Trung Việt không thể tránh khỏi?" (*Why A War Between China And Vietnam Is Inevitable ?*).

Trong bài viết ấy, tác giả, Dee Woo nhận định : một cuộc chiến tranh để giải quyết vấn đề lãnh thổ và lãnh hải giữa Trung Quốc và Việt Nam không thể không xảy ra. Vấn đề chỉ là thời gian và cách thức can thiệp của Mỹ. Lý do chính để tác giả đi đến nhận định ấy là : chủ quyền trên Biển Đông liên quan đến lợi ích cốt lõi của cả hai quốc gia. Nó quan trọng đến độ không ai có thể từ bỏ hay nhân nhượng được.

Về phía Trung Quốc, càng ngày kho dự trữ dầu của họ càng giảm. Hiện nay mọi sinh hoạt của họ đều lệ thuộc vào hơn 50% số dầu nhập cảng từ ngoại quốc, trong đó, một nửa là từ Trung Đông. Tuy nhiên, cuộc cách mạng mùa xuân năm ngoái đã làm thay đổi tình hình, khiến nguồn dầu từ Trung Đông bị đối diện với khá nhiều bất trắc. Để sống còn, Trung Quốc phải tìm những nguồn cung cấp khác, nhất là trong tương lai, càng ngày kinh tế của họ càng phát triển và nhu cầu dầu khí lại càng lớn. Một trong những cái gọi là nguồn cung cấp khác ấy chính là ở Biển Đông : nó vừa hứa hẹn một trữ lượng lớn vừa gần gũi ; và nếu chiếm được, có thể sử dụng lâu dài và an toàn. Hơn nữa, cũng giống như Việt Nam, Trung Quốc cũng đang và sẽ đối diện với rất nhiều vấn đề chính trị trong nước. Một cuộc tranh chấp với nước ngoài sẽ có tác dụng nâng cao lòng yêu nước của dân chúng : mọi bất mãn đối với chế độ sẽ biến thành căm thù đối với nước khác. Và nước ấy chính là Việt Nam.

Về phía Việt Nam, có hai lý do chính. Thứ nhất, nguồn dầu khí ở Biển Đông chiếm đến 30% tổng sản lượng quốc gia. Mất nguồn dầu ấy, kinh tế Việt Nam chắc chắn sẽ bị sụp đổ. Điều đó càng đặc biệt có ý nghĩa khi, từ mấy năm gần đây, kinh tế Việt Nam càng ngày càng đi vào khủng hoảng : lạm phát rất cao, hệ thống ngân hàng nhà nước liên tục lỗ lã và thất thoát, nợ xấu càng ngày càng nhiều, đầu tư từ thế giới càng ngày càng giảm. Thứ hai, đối diện với những sự thất bại về kinh tế, xã hội và cả về chính trị, một lúc nào đó, nhà cầm quyền buộc lòng phải sử dụng những tranh chấp ở Biển Đông như một cách để lái sự quan tâm của dân chúng sang một hướng khác, ở đó, mọi phần nộ đều đổ dồn về phía Trung Quốc và người ta sẽ quên đi những xấu xa của chế độ ; lòng yêu nước và tinh thần dân tộc sẽ thay thế sự bất mãn trước nạn tham nhũng và họa độc tài.

Về phía Mỹ, sau khi giải quyết hoặc tạm giải quyết những tranh chấp ở Iraq và Afghanistan, họ quay trở lại với nền chính trị toàn cầu ; ở đó, trong thời điểm hiện tại cũng như trong vài thập niên sắp tới, họ chỉ chịu một sự uy hiếp duy nhất : Trung Quốc. Hiện nay, Trung Quốc đã bắt đầu uy hiếp vị thế siêu cường quốc kinh tế của Mỹ ở châu Á. Mâu dịch giữa Trung Quốc và khối ASEAN từ năm 2000 đến 2009 tăng gấp sáu lần, trong khi đó, quan hệ thương mại của Mỹ và các nước trong vùng đã không tăng, lại còn giảm. Mỹ cản trở lại châu Á để ngăn chặn Trung Quốc và để duy trì các quan hệ chiến lược với các nước khác trong vùng. Muốn trở lại, họ cần một cái cớ. Những tranh chấp trên Biển Đông cung cấp cho Mỹ một cơ hội bằng vàng để vừa quay trở lại châu Á, vừa có thể nói đến tình hữu nghị, đến việc buôn bán dầu khí và buôn bán cả vũ khí với các nước khác.

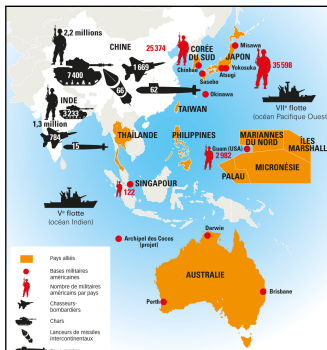
Có điều, khả năng Mỹ trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến Việt Nam và Trung Quốc có lẽ sẽ rất ít. Họ muốn quay lại châu Á nhưng không hẳn để giúp Việt Nam. Quyền lợi của Mỹ trong việc duy trì quan hệ với Trung Quốc, dù sao vẫn lớn hơn việc giúp một nước nào đó, như Việt Nam, để đương đầu với Trung Quốc bằng vũ lực. Hơn nữa, trước mắt, Mỹ vẫn chưa thoát cuộc khủng hoảng kinh tế. Họ còn quá nhiều việc phải làm ngay trong nước của họ, nhất là trong hai lãnh vực nhân dụng và thương mại. Mỹ không bắt buộc phải hy sinh quá nhiều để cứu Việt Nam. Họ có thể sẽ phải làm như

thế với Nhật Bản, Hàn Quốc và Philippines, những nước có hiệp ước quân sự với họ. Nhưng với Việt Nam thì không.

Thành ra, với Trung Quốc, Việt Nam vẫn là chọn lựa hàng đầu để tấn công nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về cả hai lãnh vực chính trị và kinh tế của họ.

Viễn tượng chiến tranh Việt - Trung, do See Woo vẽ ra, không phải hoàn toàn phi thực. Thật ra, bất cứ người nào cũng có thể thấy được điều đó. Giới lãnh đạo Việt Nam, hơn ai hết, càng hiểu rõ điều đó. Tuy nhiên, để đối phó, lựa chọn của họ không nhiều. Chỉ có thể nằm trong ba trường hợp :

Thứ nhất, bằng giải pháp chính trị, bao gồm cả phương diện pháp lý. Đó là điều họ hay nói đến nhiều nhất. Có vẻ như một giải pháp duy nhất. Nhưng không có giải pháp chính trị nào có thể thành hiện thực nếu không có thể và lực. Việt Nam đang đi tìm thể và lực ấy bằng cách tìm kiếm sự ủng hộ của khối ASEAN và một số cường quốc hạng trung, từ Ấn Độ đến Úc. Nhưng ở khối ASEAN, với sự "phản phé" của Campuchia rõ ràng là họ đã thất bại. Trong tương quan lực lượng, ngay cả trong lãnh vực kinh tế,



giữa Trung Quốc và các nước khác trong khối ASEAN hiện nay, không có cách gì người ta có thể thay đổi quan điểm và thái độ của chính phủ Campuchia được. Mà chỉ cần một nước bất đồng, sức mạnh của khối ASEAN trong việc đương đầu với Trung Quốc sẽ bị vô hiệu hóa ngay. Bằng chứng của điều đó được thể hiện rõ trong hội nghị các Bộ trưởng ngoại giao khối ASEAN tại Campuchia vừa qua. Những nước khác, từ Úc đến Ấn Độ, Nga, Nhật, Hàn Quốc... đều, một, không phải là đối thủ của Trung Quốc ; và hai, không có lý do gì để họ sẵn sàng vì Việt Nam mà công khai tuyên chiến với Trung Quốc cả. Kinh nghiệm chiến tranh ở Libya năm ngoái và tình hình Syria hiện nay

cho thấy một điều : thế giới sẽ khoanh tay án binh bất động cho đến khi Mỹ quyết định tham chiến. Cho nên, dù Việt Nam có loay hoay đi tìm đồng minh ở đâu thì đồng minh quan trọng nhất vẫn là Mỹ. Tuy nhiên, con đường đến với Mỹ vẫn là một con đường đầy cam go và dài đằng đẵng.

Thứ hai, bằng giải pháp quân sự. Đây là điều chính phủ Việt Nam muốn chứng tỏ là họ đang chuẩn bị. Qua việc mua sắm các loại vũ khí mới, chủ yếu từ Nga. Tuy nhiên, ở khía cạnh này, có mấy điều cần chú ý. Một, có mua sắm thêm đến mấy, kho vũ khí của Việt Nam cũng chỉ là hạt cát so với Trung Quốc hiện nay. Hai, đã ít về số lượng, Việt Nam lại không thể mua được các loại vũ khí hiện đại nhất do Mỹ sản xuất vì lệnh cấm vận trong lãnh vực quốc phòng vẫn chưa được tháo gỡ. Giới lãnh đạo Việt Nam, trong các cuộc tiếp xúc với quần chúng cũng giới trí thức, lúc nào cũng tìm cách trấn an bằng luận điệu : họ đã có cách "trì" được Trung Quốc nếu chiến tranh bùng nổ. "Trì" bằng cách nào ? Không ai nói cả. Người ta chỉ đem quá khứ ra thể chấp : trong thế kỷ 20 vừa qua, họ luôn luôn thắng trong mọi cuộc chiến tranh : thắng Pháp (1954), thắng Mỹ (1975), thắng Khmer đỏ (1978) và thắng cả Trung Quốc (1979). Lần này, cũng vậy, họ hứa hẹn : họ cũng sẽ thắng. Kết luận : "Đồng bào đừng lo ; hãy để Đảng và nhà nước lo !".

Tuy nhiên, đó chỉ là một lời nói dối.

Chiến tranh giữa Việt Nam và Trung Quốc, nếu xảy ra, sẽ khác hẳn về loại hình với các cuộc chiến tranh trước đây. Hầu hết các cuộc chiến tranh trước đây đều diễn ra trên đất liền. Bây giờ trận địa đã khác. Hầu hết các nhà bình luận quân sự đều cho, từ đầu thế kỷ 21 trở đi, lịch sử quân sự nhân loại chuyển sang một trang khác : trận địa chính sẽ là trên biển. Các cuộc chạy đua vũ trang trên thế giới trong một hai thập niên vừa qua chủ yếu là cuộc chạy đua để trở thành những cường quốc trên biển với những tàu sân bay (hay : hàng không mẫu hạm), tàu ngầm, thủy phi cơ (seaplane), tên lửa (hỏa tiễn), v.v. Theo Robert D. Kaplan, trên báo *Foreign Policy*, nếu loại hình chính của chiến tranh thế kỷ 21 là trên mặt biển thì Biển Đông sẽ là điểm nóng nhất, nơi tập trung những mâu thuẫn gay gắt nhất và có thể là nơi sẽ diễn ra chiến tranh nhất.

Trận địa thay đổi, đặc điểm và điều kiện chiến tranh thay đổi theo. Trên trận địa giữa biển cả ấy, Việt Nam hoàn toàn đánh mất tất cả những ưu thế vốn có và vốn được họ, nhất ở miền Bắc, tận dụng trong suốt nửa sau thế kỷ 20 : một, rừng núi hiểm trở ; hai, sự ủng hộ của dân chúng để một mặt, sẵn sàng tham gia các chiến dịch quân sự, nếu cần ; mặt khác, sẵn sàng che giấu bộ đội để từ đó chiến thuật du kích có thể thực hiện được ; và ba, sự dũng cảm của những người lính : họ bất chấp nguy hiểm, sẵn sàng hy sinh tính mạng để chống giặc. Trên đất liền, yếu tố con người là chủ đạo ; trên biển, yếu tố kỹ thuật lại chiếm vai trò chủ đạo. Mà về kỹ thuật thì hiện nay Việt Nam hoàn toàn thua xa Trung Quốc.

Hơn nữa, có một sự thật không nên quên : từ đầu thập niên 1970 đến nay, Việt Nam đã từng đụng độ với Trung Quốc nhiều lần. Việt Nam thắng trên các mặt trận trên đất liền, nhưng với cả hai mặt trận trên biển, Việt Nam đều thua. Lần đầu, Việt Nam Cộng Hòa thua khi bị cướp mất Hoàng Sa vào năm 1974, và lần thứ hai, Việt Nam cũng lại thua Trung Quốc trên một số đảo và bãi đá ở Trường Sa (bao gồm các đảo Chữ Thập, Châu Viên, Ga Ven, Xu Bi, v.v.) vào năm 1988. Nếu hai giải pháp chính trị và quân sự đều bế tắc, giới lãnh đạo Việt Nam chỉ còn giải pháp thứ ba : đầu hàng hoặc bỏ chạy. Đầu hàng thì chắc sẽ khó sống sót với dân chúng. Biện pháp bỏ chạy có lẽ sẽ được "nghiên cứu" kỹ hơn. Để bỏ chạy, điều họ cần làm nhất là chuyển tiền ra nước ngoài. Càng nhiều càng tốt.

Có khi họ chọn giải pháp ấy chẳng?

Chống tham nhũng : làm sao cho hiệu quả ?

Gần đây, ở Việt Nam báo chí lại làm ồn về phong trào chống tham nhũng.

Thật ra, đó cũng là chuyện... thường ngày ở huyện. Lâu nay vẫn thế. Lâu lâu đảng và chính quyền Việt Nam lại phát động các chiến dịch chống tham nhũng, và nói chung, lần nào họ cũng thành công về... cơ bản ; để sau đó, họ lại có dịp tung ra chiến dịch khác và lại có dịp báo cáo là đã thành công, nếu không về "cơ bản" thì cũng "bước đầu".

Tuy nhiên, lần này thì tiếng ồn về việc chống tham nhũng coi bộ lớn hơn những lần trước. Thứ nhất, nó ồn ở sự kiện Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập Ban chỉ đạo trung ương về phòng và chống tham nhũng trực thuộc bộ chính trị (nhưng người ta lại không giải thích gì về sự tồn tại của một Ban chỉ đạo cùng tên đã được quốc hội thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2005, trong đó ghi rõ Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng là do thủ tướng cầm đầu ! Nếu có sự hoán chuyển về cơ quan cầm đầu thì trên nguyên tắc, nó phải được quốc hội thông quan, nhưng quốc hội, đến nay, hoàn toàn không bàn gì đến chuyện ấy). Thứ hai, nó càng ồn hơn do các vụ bắt bớ các quan chức cao cấp trong ngành ngân hàng, với lý do lạm dụng công quỹ và làm việc sai nguyên tắc tài chính. Thứ ba, rài rác trên báo chí, người ta cho đăng tải một số bài liên quan đến việc phòng chống tham nhũng ở... những nơi khác.

Ví dụ, về việc chính phủ Thái Lan kêu gọi dân chúng tham gia chống tham nhũng. Chống bằng cách nào ? Bằng cách tích cực tố cáo tham nhũng với chính phủ. Để giúp việc tố cáo ấy được nhanh chóng và hiệu quả, chính phủ Thái Lan chủ trương (a) thành lập các đường dây nóng ; (b) đặt các thùng thư ở các nơi công cộng ; và (c) lập các trang mạng để mọi người đều có thể gửi đơn tố cáo thẳng đến văn phòng thủ tướng. Cần chú ý : về các biện pháp chống tham nhũng ở Thái Lan, các phóng viên chỉ tường thuật chứ không ai dám đề nghị là nên được áp dụng ở Việt Nam. Còn chính quyền Việt Nam thì im lặng.

Thật ra, không ai bảo đảm hai biện pháp phòng và chống tham nhũng ở Việt Nam và ở Thái Lan đều có hiệu quả hoặc biện pháp nào tốt hơn biện pháp nào. Việt Nam thì chọn biện pháp phòng và chống từ trên xuống. Cái gọi là "trên" ấy, thoạt đầu nằm trong tay thủ tướng ; sau, có vẻ như người ta muốn nâng cấp lên bộ chính trị, cao hơn phủ thủ tướng. Ở Thái Lan, người ta chọn biện pháp từ dưới lên : chính dân chúng, những người thấp cổ bé miệng, đóng vai trò chủ đạo trong việc tố cáo, qua đó, một mặt, vạch trần ; mặt khác, ngăn chặn tham nhũng.

Cả hai biện pháp ấy đều bất cập.

Sự bất cập của biện pháp trên thì đã rõ : người ta vừa đá bóng vừa thổi còi. Ở Việt Nam, lâu nay nhiều người đã nói nhiều đến sự giàu có một cách

bất bình thường của gia đình thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Sự giàu có ấy đến từ đâu ? Chắc chắn không phải từ lương hay bất cứ một nguồn thu nhập hợp pháp và chính đáng nào cả. Mà không phải chỉ có Nguyễn Tấn Dũng. Hầu như người nào trong nhóm lãnh đạo cao cấp nhất của đảng và chính phủ cũng đều cực kỳ giàu có.

Hiện tượng tương tự cũng từng được thấy ở Trung Quốc qua vụ án Bạc Hy Lai. Bây giờ, giao cho những người như thế nhiệm vụ chính trong việc phòng và chống tham nhũng, làm sao có tin cậy được ? Cuối cùng, như cái mà mọi người đã từng nhìn thấy trong suốt nhiều năm qua : chỉ có những cán bộ nhỏ nhen, cấp phường hay cấp xã, là bị bắt về tội tham nhũng. Còn những cán bộ cao cấp, ngay cả khi bị các công ty và chính phủ ngoại quốc nêu đích danh về việc nhận hối lộ, người ta cũng tâng lờ với lý do "để tìm thêm chứng cứ". "Chứng cứ" ấy không bao giờ có ; thậm chí, việc tìm kiếm cũng không bao giờ thực sự bắt đầu.

Việc tố cáo tham nhũng từ dưới lên, cũng vậy, cũng chỉ thành công với điều kiện : chính phủ, ở những cấp cao nhất, phải trong sạch. Bởi, nếu đơn tố cáo đến văn phòng thủ tướng, nhưng văn phòng thủ tướng lại bao che cho những con cá mập lớn nhất thì sao ? Thì, không những việc tố cáo không có kết quả gì mà người tố cáo có thể mang họa, có khi đến mất mạng không chừng.

Cả hai biện pháp phòng chống tham nhũng nêu trên, muốn có hiệu quả, cần thêm biện pháp thứ ba : theo chiều ngang, với sự tham gia của quốc hội, của tư pháp, của xã hội dân sự và của các cơ quan truyền thông. Các tổ chức này không những đóng vai trò phát hiện và tố cáo tham nhũng mà còn theo dõi việc chống tham nhũng của chính phủ và bảo vệ những người tố cáo tham nhũng.

Tuy nhiên, tất cả các tổ chức này chỉ có thể thực hiện được sứ mệnh của họ với một điều kiện : độc lập. Đây chính là mấu chốt của vấn đề. Bởi, không độc lập, họ sẽ chẳng làm được gì cả, ngoài việc vâng lệnh những kẻ có chức quyền, nghĩa là, thành thực mà nói, những người tham nhũng nhất.

Ở Việt Nam, ai cũng biết, tất cả các tổ chức trên đều nằm hết trong tay của đảng. Vậy thì, một, ai sẽ tố cáo tham nhũng ; hai, ai sẽ bảo vệ những người tố cáo ấy, nếu có ; ba, ai sẽ kiểm tra việc xử lý các vụ tham nhũng ? Câu trả lời đã rõ ràng : không có ai cả.

Không thể không nghĩ đến vụ án nhà báo Hoàng Kương (Nguyễn Văn Kương) vừa mới xảy ra. Là phóng viên báo *Tuổi Trẻ*, Hoàng Kương viết loạt bài phóng sự về nạn tham nhũng của công an. Để có tài liệu và chứng cứ, ông tham gia vào một vụ hồi lộ 15 triệu đồng (750 đô la) cho cảnh sát giao thông. Sau đó, ông viết bài đăng trên báo *Tuổi Trẻ*. Nhưng bài viết ấy lại trở thành chứng cứ để công an bắt ông về tội hồi lộ. Đầu năm 2012, ông bị bắt. Trong phiên tòa diễn ra trong hai ngày 6 và 7 tháng 9, ông bị kết án 4 năm tù giam. Trong khi đó, hai công an nhận tiền hồi lộ của ông chỉ bị 5 năm tù.

Nhân vụ án Hoàng Kương, nhà báo Minh Diện nhớ lại một việc liên quan đến bản thân ông cách đây 14 năm. Năm 1998, ông có bằng chứng cho thấy Ngân hàng Việt Hoa cấu kết với Công ty xuất nhập khẩu Tổng hợp Long An tham nhũng hàng trăm tỉ đồng và gần 90 triệu đô la Mỹ. Ông muốn xác minh các tài liệu ấy nên đến trụ sở Ngân hàng Việt Hoa, xin gặp ban giám đốc. Không ai tiếp ông cả. Nhưng ngay sau đó, một cán bộ cao cấp trong Ủy ban an ninh của quốc hội liên lạc với ông và yêu cầu ông từ bỏ ý định điều tra vụ tham nhũng ấy. Chưa hết. Mấy ngày sau, Đào Duy Quát, phó trưởng ban tư tưởng - văn hóa trung ương kịch liệt lên án ông trong buổi giao ban hàng tuần của báo giới. Rồi tổng biên tập báo *Tiền Phong*, nơi Minh Diện đang làm việc, khiển trách ông và yêu cầu ông ngưng ngay mọi việc điều tra. Trước những áp lực nặng nề từ trên xuống dưới như vậy, nhà báo Minh Diện không những không thể tiếp tục điều tra vụ tham nhũng mà còn bị "treo bút".

Từ kinh nghiệm của hai nhà báo Hoàng Kương và Minh Diện, ai còn dám chống tham nhũng nữa ?

Và cũng từ đây, người ta có thể tiên đoán ngay kết quả của các chiến dịch phòng và chống tham nhũng với những Ban này Ban nọ mà giới lãnh đạo Việt Nam đã hoặc đang thành lập.

Nguyễn Hưng Quốc (Australia)

©VOA

Ý kiến

Đột phá một bước tư duy mới

Khái niệm trí thức trong chính trị không nhằm ám chỉ giới khoa bảng, có bằng cấp, học vị cao mà nhằm ám chỉ quá trình tư duy của một người với thành quả là đã tìm ra được những giải đáp cho các vấn đề chính trị. Khái niệm trí thức trong chính trị nặng về ý nghĩa sinh hoạt trí thức trong chính trị chứ không liên quan gì đến việc ám chỉ là giới khoa bảng. Lý do là vì một số không nhỏ những người có bằng cấp học vị chuyên môn cao nhưng lại phi chính trị, hoặc thậm chí rất dốt về chính trị. Trong nghĩa đó, tôi sử dụng cụm từ trí thức chính trị để kêu gọi đóng góp ý kiến cho bài này.

Sở dĩ có những giải thích dài dòng nói trên là để chuẩn bị phân tích hai khái niệm về độc tài : độc tài thông thường và độc tài cộng sản. Mặc dù được gọi chung là độc tài nhưng không thể đồng hóa cả hai làm một được, chúng là hai chế độ độc tài khác nhau.

Trước hết cần phải có một phân tích triết học về các loại chế độ này. Bất cứ mọi loại chế độ độc tài nào có mặt trên mặt đất này (trừ độc tài cộng sản) đều dừng lại ở mức độ xấu xa mà con người không thể làm xấu hơn được, nghĩa là vẫn còn lại một chút gì nhân bản trong những con người xấu có đầy quyền lực nhất.

Tôi gọi các hình thức độc tài của các chế độ thuộc loại này là "độc tài thông thường". Thông thường là vì vẫn còn lại một chút gì nhân bản trong nhiều con người xấu ấy. Vào một thời điểm nào đó, lương tri của những nhà độc tài thông thường này sẽ bừng tỉnh lại và chính họ chứ không ai khác tự nguyện giải thể chế độ độc tài mà họ đang nắm quyền lãnh đạo, chính họ tự nguyện chấm dứt những hành vi xấu xa của mình. Đó là trường hợp của các chế độ độc tài apartheid hay quân phiệt. Nói chung, mặc dầu bị mang tiếng là độc tài, các chế độ độc tài thông thường vẫn còn không nhiều thì ít tính người, mà ta gọi là nhân bản.

Đặc điểm của tính người hay nhân bản là biết ăn năn, hối hận. Sau một quãng thời gian dài ngắn khác nhau, tùy từng người hay từng tập thể đã làm những hành vi xấu xa, dè tiện, thiêu hoặc mất đạo đức, kể cả mất đạo đức chính trị, đã biết dừng lại trước quyền lợi lâu dài của tổ quốc hay của nhân dân. Đó là quy luật của những con người (còn lại một tỷ lệ nhân bản nào đó trong lương tri). Một tướng cướp có thành tích giết người cướp của không gớm tay trong mọi hành động vẫn có những giây phút biết ăn năn hối cải vào cuối đời mình.

Tôi biết (và có cả quen) một mục sư Tin lành có một quá khứ lừng danh : ông đã từng là tướng cướp một băng đảng hung hăng nắm quyền sinh sát trên địa bàn buôn bán ma túy quan trọng. Khi lương tri thức dậy, ông ta trở thành một nhà tu hành đầy lòng bác ái và nhân đạo. Ngày nay, trong địa bàn hoạt động của giáo xứ địa phương không ai không quen biết và yêu mến vị mục sư này.

Vì vậy, nếu quan sát kỹ, người ta dễ dàng phân biệt hình thức các loại chế độ độc tài. Sự khác biệt thể hiện qua khả năng biết nhận diện tính độc ác của chế độ và biết ăn năn hối cải trong các công tác từ thiện hay nhân đạo. Các chế độ độc tài thông thường, như tôi vừa đề cập ở trên, thường dừng lại ở mức các chế độ xấu, các chế độ tệ hại nhất thời mà thôi, chứ không thể xếp chúng vào loại hiểm họa được. Chỉ khi ly khai khỏi sự thông thường của con người, nghĩa là không còn nhân bản tính nữa, mới là bị coi là hiểm họa.

Khác với các chế độ độc tài thông thường là các chế độ cộng sản. Các phân tích triết học và định nghĩa về chế độ cộng sản cho thấy hoàn toàn trùng khít với hai chữ hiểm họa. Chủ nghĩa cộng sản

là một tư tưởng hoàn toàn phi nhân (hiểu theo nghĩa phi nhân bản), khái niệm con người hoàn toàn bị triệt tiêu ngay trong cách lý luận của chủ thuyết này. Cấu trúc của chế độ cộng sản, hay là cách tổ chức xã hội kiểu cộng sản, cũng là một cấu trúc hoàn toàn phi nhân, nghĩa là không có tính người, tất cả đều vì tập thể. Cách tổ chức xã hội theo phương châm : nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý, đảng lãnh đạo. Trong các chế độ cộng sản không làm gì có quyền sở hữu tư nhân, tất cả đều thuộc về nhà nước. Nhiều người đã gây dựng suốt cuộc đời một cơ đồ với hy vọng để lại cho con cháu sau khi qua đời, khi giờ đã điểm toàn bộ tài sản trên mảnh đất gia đình đều bị nhà nước trưng thu vì cá nhân không được quyền sở hữu đất đai. Vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi nạn nhân của những vụ cưỡng chế đất đai kéo vào thủ đô khiếu kiện và uất ức trở về vì đơn khiếu kiện bị bác bỏ.

Đền đây chắc quý vị hoàn toàn đồng ý với tôi rằng có một khoảng cách khá dài (về sự khác biệt) giữa chế độ cộng sản và các chế độ độc tài thông thường. Chúng là hai - và là hai rất xa nhau - chứ không phải là một. Cho nên tôi không sợ những cái gì xấu của một con người còn mang tính người, tôi chỉ sợ những cái xấu nơi một con người không còn là người nữa, nghĩa là đã bị tính phi nhân bản của chủ thuyết cộng sản chế ngự tâm hồn.

Theo tôi, tất cả những mâu thuẫn giữa những con người với nhau đều có thể giải quyết được, hoặc sớm hoặc muộn. Nhưng mâu thuẫn giữa một bên là những con người còn mang tính người và một bên những người hoàn toàn mất hẳn tính người, và chỉ hành động theo một chủ thuyết phi nhân bản (tức chủ thuyết cộng sản) là không thể giải quyết được. Lý do rất dễ hiểu, những người bị chủ thuyết cộng sản hướng dẫn hành động không giải quyết vấn đề theo lối suy của một con người bình thường mà theo một hệ thống, trong đó con người không có chỗ đứng.

Phải liệt kê những người cộng sản thuộc vào một loại người riêng, một loại người không còn tính chất người phổ quát. Trong việc giao dịch với thế giới, hoặc giải quyết những bất đồng chính trị với bất cứ đối tượng nào, quốc tế hay cá nhân, họ không nói bằng những tiếng nói của con người phổ quát mà chỉ lặp lại những gì kinh điển Mác-Lê đã dạy.

Với loại người như thế, làm thế nào để giải quyết các bất đồng, các mâu thuẫn, các tranh chấp trong tinh thần tương kính, tương nhượng ? Sự bế tắc của mọi đối thoại về các vấn đề quốc tế hay quốc nội là chỗ đó. Ngày nào còn hiện diện của các chế độ cộng sản trên trái đất này, hòa bình và ổn định vẫn còn là những ước mơ. Sự giao dịch của thế giới hiện nay dựa trên sự cúi đầu, trong tinh thần chịu đựng ăn xôi hay im lặng nhặt tiền. Cả một định chế quốc tế nổi tiếng như Liên Hiệp Quốc và một quốc gia giàu có và hùng mạnh như Mỹ cũng đã phải nhượng bộ, nhắm mắt làm ngơ trước những vi phạm nhân quyền và tự do dân chủ, chấp nhận cúi đầu để được làm ăn với các chế độ cộng sản. Mọi yêu sách về quyền con người và tự do dân chủ phải gác qua một bên vì kinh tế. Syria và Iran là những thí dụ điển hình, khi Nga và Trung Quốc không đồng ý thì không gì được giải quyết.

Phải, yêu sách là rất cần. Yêu sách để các chế độ độc tài cộng sản phải hành động và có thái độ ứng xử như những con người phổ quát. Những con người tự do phải dám nâng cao đầu yêu cầu các chế độ độc tài cộng sản hãy tôn trọng nhân phẩm và các quyền tự do cơ bản khác của con người. Giới trí thức chính trị phải phản kháng lại cách ứng xử cục bộ, phi nhân bản của các chế độ cộng sản. Một trật tự thế giới mới phải khởi đầu bằng sự cương quyết này.

Nguyễn Ngọc Tấn (Roxas, Philippines)

Ai làm báo ?

Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng triệu tập một phiên họp bất thường của bộ chính trị. Buổi họp được triệu tập vào đúng ngày quốc khánh 2-9 để nhấn mạnh mức độ quan trọng và nghiêm trọng. Lý do của buổi họp là tình trạng chia rẽ trầm trọng trong ban lãnh đạo Đảng, thể hiện qua sự xuất hiện của blog *Quan Lâm Báo*, đang đe dọa sự sống còn của chế độ. Tổng bí thư yêu cầu mọi người phát biểu thật bộc trực, nói hết và nói thẳng những gì mình nghĩ, vì theo ông chỉ có như thế mới giải quyết được tận gốc vấn đề.

Tất cả các thành viên bộ chính trị đều đồng ý và yêu cầu tổng bí thư dẫn nhập. Ông Trọng nói :

- Tôi xin nói thẳng là chưa bao giờ chúng ta chia rẽ bằng lúc này. Đối với dư luận, hiển nhiên là đang có cái được gọi một cách mỉa mai là "cuộc chiến Ba-Tư", nghĩa là cuộc chiến giữa đồng chí Ba Dũng và đồng chí Tư Sang. Dù có thực hay không, sự kiện này đang làm khối đảng viên mất tinh thần. Tôi rất lo âu cho sự bền chắc của chế độ và tương lai của Đảng. Tôi khẩn thiết yêu cầu đồng chí Trương Tấn Sang và đồng chí Nguyễn Tấn Dũng gác lại những ty hiềm cá nhân và nêu cao tinh thần đoàn kết. Muốn như thế, hai đồng chí Sang và Dũng và tất cả bộ chính trị phải rất thẳng thắn.

Như chỉ đạo có thể, ông Nguyễn Tấn Dũng xin phát biểu :

- Đồng chí Trọng muốn tôi muốn tôi nói thực thì tôi nói thực, tôi chẳng có lý do gì để phải vòng vo cả. Đối với tôi, sự thực đã quá rõ ràng. Chỉ cần đọc bơ-lôc *Quan Lâm Báo* là thấy ngay bàn tay của ai, ai gây chia rẽ. Bơ-lôc này mạt sát tôi hết lời, có lúc nó gọi tôi là y tá, có lúc nó bôi mớ dơ tởm, nó đem cả các con tôi ra chửi, nó dùng lời lẽ hạ cấp thô bỉ đối với tôi, nó gán ghép cho tôi đủ thứ, nhưng nó lại hết lời ca tụng "đồng chí chủ tịch nước Trương Tấn Sang". Tôi xin nhắc lại là cuối năm 2010, người của đồng chí Sang cũng đã từng dâm dúi với bọn Đảng Dân Chủ lập bơ-lôc Trần Đông Chân tố cáo tôi là tham nhũng, gia đình trị v.v. Đây dứt khoát không phải là bơ-lôc của đối lập dân chủ, bởi vì nếu như vậy thì nó phải chửi cả bọn mình, cả đồng chí Trọng, đồng chí Sang, tất cả. Dưới mắt bọn chúng, tất cả chúng ta đều tham nhũng, lưu manh, vô học như nhau chứ đâu phải chỉ một mình tôi. Vậy mà các đồng chí có thấy bơ-lôc này đã động gì đến đồng chí Sang đâu. Không những thế nó còn tăng bốc đồng chí Sang. Sao nó không bôi mớ chuyện đồng chí Sang nhờ người thi hộ, hiệp dâm Thu Hồng, mớ nói với Năm Cam ? Sự thực đã quá rõ ràng. Tôi cũng cần nói thêm rằng bơ-lôc này cũng ca tụng cả đồng chí Trọng nữa. Không biết đó là do đồng chí Sang cố ý lôi kéo đồng chí Trọng, hay là hai người toa rập với nhau, nhưng tôi nói thẳng rằng các đồng chí muốn đoàn kết cũng được muốn chiến tranh cũng được, thẳng này không sợ đâu.

Đến đây thì ông Sang không nhịn được nữa :

- Vâng, thưa các đồng chí, đúng là sự thực đã quá rõ ràng. Đúng là blog *Quan Lâm Báo* (ông Sang không phát âm "bơ-lôc" như ông Dũng) đánh đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, nhưng các đồng chí thấy nó đánh như thế nào ? Nó đánh cuội, đánh mà lại mà lại sợ đánh đau. Nó tố đồng chí Dũng tham nhũng nhưng nó có trưng được bằng cứ nào đâu ? Nếu tôi mà làm blog này thì, nói thực với các đồng chí,

tôi có cả tấn hồ sơ tham nhũng của đồng chí Dũng. Nó gọi đồng chí Dũng là y tá Dũng, đó là tăng bốc chứ đâu phải là chê ? Đồng chí Dũng làm gì có trình độ y tá ? Muốn làm một y tá phải học hết trung học, rồi học thêm ba



MỤC LỤC

1. Cảnh giác với Nguyễn Tấn Dũng	Thông Luận
2. Thực tế bề bộn hơn nhiều	Nguyễn Gia Kiểng
7. Trí thức Việt Nam thôi đừng than khóc. Hãy nhập cuộc !	Việt Hoàng
9. Trường kỳ mai phục	Nguyễn Gia Thường
10. Bức ảnh thay muôn ngàn lời muốn nói	Hoàng Việt
11. Nợ xấu ngân hàng - Tự hào Việt Nam	Alan Phan
13. Hình gthức chiến tranh mới trên Biển Đông và chống tham nhũng	Nguyễn Hưng Quốc
15. Đột phá một bước tư duy mới	Nguyễn Ngọc Tấn
16. Ai làm báo ?	Đầy

năm nữa. Đồng chí Dũng làm gì đã học hết tiểu học mà đòi làm y tá ? Thế rồi nó lại làm bộ ca tụng tôi để đánh để kéo sự ngờ vực về tôi. Làm gì có chuyện lộ liễu như vậy, đã ném đá thì phải giấu tay chứ ? Và lại các đồng chí nên lưu ý một điều là blog này đã hoạt động từ ba tháng rồi mà có bị đánh phá gì đâu. Công an mạng của ta đâu ? Muốn đánh blog này thì khó gì, sao không đánh ? Rõ ràng là công an dung túng, nhưng ai chỉ huy công an ? Đồng chí Dũng qua trung gian đồng chí Trần Đại Quang chứ ai ! Nếu muốn nói thẳng thì tôi nói thẳng : sự thực đã quá rõ ràng, blog *Quan Lâm Báo* là của phe đảng đồng chí Dũng. Họ đang tạo lý cơ để biến đồng chí Dũng thành thánh tử đạo, để dư luận trong Đảng quên đi những sai phạm tày trời của đồng chí ấy và bè lũ.

Không khí trở nên rất căng thẳng, ông Đinh Thế Huynh thấy cần phải hạ nhiệt độ. Ông nói :

-Tôi có ý kiến như thế này : blog *Quan Lâm Báo* không phải của phe đồng chí Ba Dũng cũng không phải của phe đồng chí Tư Sang mà là của Trung Quốc. Bọn Trung Quốc đánh đồng chí Dũng để cảnh cáo, vì nó nghi ngờ đồng chí Dũng có ý muốn ngả dần về phía Mỹ nhưng nó lại cố tình làm cho dư luận tưởng là phe đồng chí Sang làm. Âm mưu thâm độc của nó là gây chia rẽ trên đỉnh cao quyền lực của ta, giữa thủ tướng và chủ tịch nước làm chế độ ta yếu đi, và càng yếu ta càng lệ thuộc nó.

Ông Phùng Quang Thanh từ đầu buổi họp vẫn im lặng bất ngờ lên tiếng :

- Đồng chí Dũng đâu có theo Mỹ chống Trung Quốc, còn thân nữa là khác. Đồng chí Dũng đã bảo vệ dự án Bô-xít Tây Nguyên, cho Trung Quốc thuê rừng đầu nguồn, trùng trùng đích đáng bọn đối lập dân chủ đòi mình phải chơi với Mỹ. Trung Quốc không bao giờ đánh phá đồng chí Dũng.

Mọi giả thuyết đưa ra sau đó đều bị phản bác. Bộ chính trị, sau bốn giờ thảo luận sôi nổi, vẫn không trả lời được câu hỏi "ai làm báo ?".

Sau cùng, theo chỉ thị của tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng, ban thư ký ghi vào biên bản rằng bộ chính trị nhất trí nhận định đề quốc Mỹ và các thế lực thù địch lập blog *Quan Lâm Báo* trong âm mưu thực hiện diễn biến hòa bình lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa tại nước ta.

Đầy